

PHỤ LỤC 1
ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN NGÂN SÁCH TẬP TRUNG
DO TỈNH QUẢN LÝ VÀ PHÂN BỐ NĂM 2022

(Kèm theo Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 14/11/2022 của HĐND tỉnh Đồng Tháp)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư năm 2022 theo Nghị quyết số 81	Điều chỉnh Kế hoạch vốn đầu tư năm 2022 cuối năm			Ghi chú
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư			Tổng số	Trong đó:		
					Tổng số	Trong đó: vốn ngân sách Tỉnh			Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ đọng XDCB	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	TỔNG SỐ				9.066.226	4.235.385	531.239	530.934	6.811		
	* Theo ngành, lĩnh vực										
I	Nhiệm vụ quy hoạch				62.372	56.000	30.000	22.500			
II	Nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư; thanh toán chi phí tất toán công trình hoàn thành				200.000	200.000	20.249	14.401			
III	Thực hiện dự án				8.763.728	3.939.785	480.990	494.033	6.811		
	Cụ thể:										
1	Quốc phòng				288.251	195.461	70.300	75.800			
2	An ninh và trật tự, an toàn xã hội				36.373	36.373	18.600	18.600			
3	Khoa học, công nghệ				45.940	45.940	12.490	32.250			
4	Công nghệ thông tin				89.289	89.289	32.400	41.900			
5	Khu công nghiệp và khu kinh tế				393.116	193.116	20.000	3.000	938		

STT	Nội dung	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư năm 2022 theo Nghị quyết số 81	Điều chỉnh Kế hoạch vốn đầu tư năm 2022 cuối năm			Ghi chú
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư			Tổng số	Trong đó:		
					Tổng số	Trong đó: vốn ngân sách Tỉnh			Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ đọng XDCB	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
6	Công trình công cộng tại các đô thị, hạ tầng kỹ thuật khu đô thị mới				4.079.514	1.700.000	146.000	154.180			
7	Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản				113.105	79.300	26.000	28.200			
8	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị-xã hội				298.471	215.985	51.800	56.323	573		
9	Văn hóa				55.108	21.800	18.900				
10	Xã hội				9.323	9.300	6.000	5.880			
11	Phát thanh truyền hình thông tấn				57.112	33.500	15.000	15.000			
12	Thể dục, thể thao				42.061	42.061	8.000	37.000	5.300		
13	Giao thông				3.206.948	1.228.543	20.500	12.100			
14	Môi trường				49.117	49.117	35.000				
15	Các dự án khác đang đẩy nhanh tiến độ thực hiện							13.800			
	* Cụ thể chi tiết										
A	Nhiệm vụ quy hoạch				62.372	56.000	30.000	22.500	-	-	
	- Xây dựng nhiệm vụ lập Quy hoạch tỉnh Đồng Tháp thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	Sở KHĐT	2020-2022	22/QĐ-UBND.HC ngày 10/01/2020; 66/QĐ-UBND-HC ngày 18/01/2021 của UBND Tỉnh	62.372	56.000	30.000	22.500			

STT	Nội dung	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư năm 2022 theo Nghị quyết số 81	Điều chỉnh Kế hoạch vốn đầu tư năm 2022 cuối năm			Ghi chú
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư			Tổng số	Trong đó:		
					Tổng số	Trong đó: vốn ngân sách Tỉnh			Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ đọng XDCB	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
B	Nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư; thanh toán chi phí tất toán công trình hoàn thành				200.000	200.000	20.249	14.401	-	-	(*)
I	Nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư.				100.000	100.000	600	5.941	-	-	
	Trong đó:										
1	- Hạ tầng quản lý bảo vệ rừng và phát triển hệ sinh thái bền vững Vườn quốc gia Tràm Chim giai đoạn 2021-2025	VQG Tràm Chim	2022-2025	139a/QĐ-VQG ngày 16/7/2021 của VQG Tràm Chim	1.715	1.700	500	1.585			
2	- Hạ tầng giao thông khu vực Nam sông Tiền, tỉnh Đồng Tháp	Sở GTVT	2022	325/QĐ-SGTVT.CLCTGT ngày 23/9/2021 của Sở GTVT	8.748	8.748		3.898			
3	Trụ sở làm việc Ban quản lý Khu di tích Xẻo Quýt	Sở VH TT&DL	2021-2022	220/QĐ-SVHTTDL ngày 02/4/2021 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	238	238		180			
4	- Xây dựng Hệ thống quản lý quy hoạch hạ tầng đô thị	SXD	2022	Số 1925/QĐ-UBND-HC ngày 20/12/2021 của UBND Tỉnh (CTĐT) và Số 35/QĐ-SXD ngày 18.01/2022 của Sở XD (chuẩn bị đầu tư)	319	310		278			

STT	Nội dung	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư năm 2022 theo Nghị quyết số 81	Điều chỉnh Kế hoạch vốn đầu tư năm 2022 cuối năm			Ghi chú
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư			Tổng số	Trong đó:		
					Tổng số	Trong đó: vốn ngân sách Tỉnh			Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ đọng XDCB	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
5	- Xây dựng không gian khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo tỉnh Đồng Tháp	Sở KHĐT	2022-2025		75.000	25.000	100				
II	Thanh toán chi phí tất toán công trình hoàn thành				100.000	100.000	19.649	8.460			(*)
C	Thực hiện dự án				8.763.728	3.939.785	480.990	480.233	6.811	-	
I	Quốc phòng				288.251	195.461	70.300	75.800	-	-	
(1)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2022				90.930	90.930	45.300	40.500	-	-	
a	Dự án nhóm C				90.930	90.930	45.300	40.500	-	-	
1	- Đầu tư xây dựng và nâng cấp cơ sở hạ tầng Bộ CHQS Tỉnh	Bộ CHQS Tỉnh	2021-2022		32.613	22.220	12.400	11.300			
	+ Xây dựng và nâng cấp cơ sở hạ tầng Bộ CHQS Tỉnh (giai đoạn 1)	Bộ CHQS Tỉnh	2021-2022	388/QĐ-UBND.HC ngày 31/3/2021 của UBND Tỉnh	8.166	8.166	4.300	3.700			
	+ Xây dựng và nâng cấp cơ sở hạ tầng Bộ CHQS Tỉnh (giai đoạn 2)	Bộ CHQS Tỉnh	2021-2022	389/QĐ-UBND.HC ngày 31/3/2021 của UBND Tỉnh	14.054	14.054	8.100	7.600			

STT	Nội dung	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư năm 2022 theo Nghị quyết số 81	Điều chỉnh Kế hoạch vốn đầu tư năm 2022 cuối năm			Ghi chú
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư			Tổng số	Trong đó:		
					Tổng số	Trong đó: vốn ngân sách Tỉnh			Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ đọng XDCB	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
2	- Chốt dân quân thường trực trên tuyến biên giới tỉnh Đồng Tháp năm 2020 (công trình bí mật Nhà nước)	Bộ CHQS Tỉnh	2021-2023	Số 1321/QĐ-QK ngày 15/6/2021 của Quân khu 9	16.077	16.077	8.400	4.700			
3	- Trạm KSBP CKQT Dinh Bà	BCH BĐBP Tỉnh	2021-2022	số 1018/QĐ-UBND.HC ngày 26/7/2021 của UBND Tỉnh	14.928	14.928	6.900	6.900			
4	- Trạm KSBP Tân Thành B	BCH BĐBP Tỉnh	2021-2022	số 826/QĐ-UBND.HC ngày 28/6/2021 của UBND Tỉnh	9.267	9.267	4.200	4.200			
5	- Trạm KSBP Bình Phú	BCH BĐBP Tỉnh	2021-2022	số 823/QĐ-UBND.HC ngày 28/6/2021 của UBND Tỉnh	9.502	9.502	4.500	4.500			
6	- Trạm KSBP Cả Xiêm	BCH BĐBP Tỉnh	2021-2022	số 825/QĐ-UBND.HC ngày 28/6/2021 của UBND Tỉnh	9.519	9.519	4.500	4.500			
7	- Trạm KSBP Kinh Thống Nhất	BCH BĐBP Tỉnh	2021-2022	số 824/QĐ-UBND.HC ngày 28/6/2021 của UBND Tỉnh	9.417	9.417	4.400	4.400			
(2)	Các dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2022				197.321	104.531	25.000	35.300	-	-	
a	Dự án nhóm B				153.990	61.200	10.000	20.000	-	-	

STT	Nội dung	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư năm 2022 theo Nghị quyết số 81	Điều chỉnh Kế hoạch vốn đầu tư năm 2022 cuối năm			Ghi chú
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư			Tổng số	Trong đó:		
					Tổng số	Trong đó: vốn ngân sách Tỉnh			Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ đọng XDCB	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
1	- Đầu tư xây dựng công trình Khu kinh tế Quốc phòng Tân Hồng (giai đoạn 2)	Đoàn KTQP 959	2021-2024	Số 1659/QĐ-BQP ngày 04/6/2021 của Bộ Quốc phòng	153.990	61.200	10.000	20.000			
b	Dự án nhóm C				43.331	43.331	15.000	15.300	-	-	
1	- Công trình bảo quản, bảo dưỡng vũ khí, trang bị kỹ thuật Bộ CHQS Tỉnh	Bộ CHQS Tỉnh	2021-2023	36/QĐ-BTL ngày 27/02/2021 của Bộ Tư lệnh Quân khu IX	16.534	16.534	5.000	7.200			
2	- Cải tạo nâng cấp Doanh trại Ban CHQS huyện, thị, thành phố	Bộ CHQS Tỉnh	2021-2023	390/QĐ-UBND.HC ngày 31/3/2021 của UBND Tỉnh	26.797	26.797	10.000	8.100			
II	An ninh và trật tự, an toàn xã hội				36.373	36.373	18.600	18.600	-	-	
(1)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2022				16.260	16.260	9.600	9.600	-	-	
a	Dự án nhóm C				16.260	16.260	9.600	9.600	-	-	
1	- Kho vũ khí Công an tỉnh Đồng Tháp	Công an Tỉnh	2021-2022	Số 1514/QĐ-UBND.HC ngày 06/10/2021 của UBND Tỉnh	9.600	9.600	6.600	6.600			
2	- Nhà làm việc đội Cảnh sát giao thông - huyện Hồng Ngự	Công an Tỉnh	2021-2022	865/QĐ-UBND-HC ngày 06/07/2021 của UBND Tỉnh	6.660	6.660	3.000	3.000			

STT	Nội dung	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư năm 2022 theo Nghị quyết số 81	Điều chỉnh Kế hoạch vốn đầu tư năm 2022 cuối năm			Ghi chú
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư			Tổng số	Trong đó:		
					Tổng số	Trong đó: vốn ngân sách Tỉnh			Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ đọng XDCB	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
(2)	Các dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2022				20.113	20.113	9.000	9.000	-	-	
a	Dự án nhóm C				20.113	20.113	9.000	9.000	-	-	
1	- Doanh trại Trung đội Cảnh sát cơ động và đội quản lý sử dụng động vật nghiệp vụ thuộc Phòng Cảnh sát cơ động Công an tỉnh Đồng Tháp	Công an Tỉnh	2021-2022	1464/QĐ-UBND-HC ngày 28/09/2021 của UBND Tỉnh	20.113	20.113	9.000	9.000			
III	Khoa học, công nghệ				45.940	45.940	12.490	32.250	-	-	
(1)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2022				4.998	4.998	2.490	2.250	-	-	
a	Dự án nhóm C				4.998	4.998	2.490	2.250	-	-	
1	- Xưởng sản xuất thực nghiệm và phòng kiểm định hiệu chuẩn	Sở KHCN	2021-2022	930/QĐ-UBND-HC ngày 14/7/2021 của UBND Tỉnh	4.998	4.998	2.490	2.250			
(2)	Các dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2022				40.942	40.942	10.000	30.000	-	-	
a	Dự án nhóm C				40.942	40.942	10.000	30.000	-	-	
1	- Mua sắm thiết bị kiểm định, kiểm nghiệm phục vụ quản lý nhà nước, giai đoạn 2021 - 2025	Sở KHCN	2021-2023	1289/QĐ-UBND-HC ngày 31/08/2021 của UBND tỉnh	40.942	40.942	10.000	30.000			
IV	Công nghệ thông tin				89.289	89.289	32.400	41.900	-	-	

STT	Nội dung	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư năm 2022 theo Nghị quyết số 81	Điều chỉnh Kế hoạch vốn đầu tư năm 2022 cuối năm			Ghi chú
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư			Tổng số	Trong đó:		
					Tổng số	Trong đó: vốn ngân sách Tỉnh			Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ đọng XDCB	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
(1)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2022				5.618	5.618	3.400	3.400	-	-	
a	Dự án nhóm C				5.618	5.618	3.400	3.400	-	-	
1	- Hệ thống thông tin ngành Thông tin và truyền thông	Sở TTTT	2021-2022	Số 1407/QĐ-UBND-HC ngày 15/9/2021 của UBND Tỉnh	5.618	5.618	3.400	3.400			
(2)	Các dự án dự kiến chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022				83.671	83.671	29.000	38.500	-	-	
a	Dự án nhóm C				83.671	83.671	29.000	38.500	-	-	
1	- Dự án Công dịch vụ công và điều hành tác nghiệp nội bộ tỉnh Đồng Tháp	Sở TTTT	2021-2023	931/QĐ-UBND-HC ngày 14/7/2021 của UBND Tỉnh	20.079	20.079	7.000	7.000			
2	- Dự án Triển khai Trung tâm điều hành thông minh (IoC)	Sở TTTT	2021-2022	Số 1427/QĐ-UBND-HC ngày 20/9/2021 của UBND Tỉnh	24.119	24.119	5.000	14.500			
3	- Xây dựng hệ thống thông tin cơ sở dữ liệu Gis phục vụ quản lý cơ sở hạ tầng giai đoạn 1, trên địa bàn huyện Cao Lãnh	Sở TNMT	2021-2023	Số 997/QĐ-UBND.HC ngày 23/7/2021 của UBND Tỉnh	15.809	15.809	7.000	7.000			

STT	Nội dung	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư năm 2022 theo Nghị quyết số 81	Điều chỉnh Kế hoạch vốn đầu tư năm 2022 cuối năm			Ghi chú
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư			Tổng số	Trong đó:		
					Tổng số	Trong đó: vốn ngân sách Tỉnh			Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ đọng XDCB	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
4	- Xây dựng hệ thống thông tin cơ sở dữ liệu Gis phục vụ quản lý cơ sở hạ tầng giai đoạn 1, trên địa bàn huyện Lai Vung	Sở TNMT	2021-2023	Số 1019/QĐ-UBND.HC ngày 26/7/2021 của UBND Tỉnh	10.135	10.135	5.000	5.000			
5	- Xây dựng hệ thống thông tin cơ sở dữ liệu Gis phục vụ quản lý cơ sở hạ tầng giai đoạn 1, trên địa bàn huyện Lấp Vò	Sở TNMT	2021-2023	Số 1020/QĐ-UBND.HC ngày 26/7/2021 của UBND Tỉnh	13.529	13.529	5.000	5.000			
V	Khu công nghiệp và khu kinh tế				393.116	193.116	20.000	3.000	938	-	
(1)	Các dự án dự kiến khởi công mới năm 2022				393.116	193.116	20.000	3.000	938	-	
a	Dự án nhóm B				393.116	193.116	20.000	3.000	938	-	
1	Hạ tầng kỹ thuật Khu kinh tế cửa khẩu Đồng tháp (giai đoạn 3)	BQL KKT	2022-2025	Số 349/QĐ-UBND-HC ngày 12/4/2022 của UBND Tỉnh	393.116	193.116	20.000	3.000	938		
VI	Công trình công cộng tại các đô thị, hạ tầng kỹ thuật khu đô thị mới				4.079.514	1.700.000	146.000	154.180	-	-	

STT	Nội dung	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư năm 2022 theo Nghị quyết số 81	Điều chỉnh Kế hoạch vốn đầu tư năm 2022 cuối năm			Ghi chú
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư			Tổng số	Trong đó:		
					Tổng số	Trong đó: vốn ngân sách Tỉnh			Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ đọng XDCB	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
(1)	Phát triển đô thị trên địa bàn tỉnh (hỗ trợ mục tiêu cho cấp huyện)		2021-2025	342/UBND-ĐTXD ngày 29/10/2020; 410/UBND-ĐTXD ngày 09/12/2020; 192/UBND-ĐTXD ngày 07/6/2021; 278/UBND-ĐTXD ngày 14/7/2021 của UBND Tỉnh	4.079.514	1.700.000	146.000	154.180	-	-	
	trong đó:										
(1.1)	Hỗ trợ có mục tiêu cho huyện Hồng Ngự				125.291	56.300	4.000	1.000	-	-	
a	Các dự án dự kiến khởi công năm 2022				125.291	56.300	4.000	1.000	-	-	
	- Đường ra bến phà Hồng Ngự - Tân Châu (Đ-01)	UBND HHN	2022-2025		93.810	38.800	3.000				
	- Đường Đ-07	UBND HHN	2021-2024	13006/QĐ-UBND ngày 15/11/2021 của UBND huyện	31.481	17.500	1.000	1.000			
(1.2)	Hỗ trợ có mục tiêu cho Thành phố Hồng Ngự				230.067	127.000	22.000	22.000	-	-	
a	Các dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2022				230.067	127.000	22.000	22.000	-	-	

STT	Nội dung	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư năm 2022 theo Nghị quyết số 81	Điều chỉnh Kế hoạch vốn đầu tư năm 2022 cuối năm			Ghi chú
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư			Tổng số	Trong đó:		
					Tổng số	Trong đó: vốn ngân sách Tỉnh			Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ đọng XDCB	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	- Chính trang đô thị khu đô thị An Thạnh	UBND TPHN	2021-2022	Số 1821/QĐ-UBND ngày 30/8/2021 của UBND TPHN	53.375	27.000	7.000	7.000			
	- Hạ tầng khu đô thị Bắc An Thành	UBND TPHN	2021-2023	Số 1820/QĐ-UBND ngày 30/8/2021 của UBND TPHN	176.692	100.000	15.000	15.000			
(1.3)	Hỗ trợ có mục tiêu cho huyện Tam Nông				45.366	40.000	20.000	20.000	-	-	
a	Các dự án dự kiến khởi công năm 2022				45.366	40.000	20.000	20.000	-	-	
	- Cầu qua kênh hậu thị trấn Tràm Chim (Đường Tràm Chim)	UBND HTN	2021-2023	Số 1917/QĐ-UBND-HC ngày 30/9/2021 của UBND huyện	24.128	20.000	10.000	10.000			
	- Đường Tràm Chim nối dài (từ Tiếp giáp cầu qua kênh Hậu đến đường Đ-03) - Đường Đ-03 (từ đường Tràm Chim nối dài đến đường Đ-06)	UBND HTN	2021-2023	Số 2209/QĐ-UBND-HC ngày 19/11/2021 của UBND huyện	21.238	20.000	10.000	10.000			
(1.4)	Hỗ trợ có mục tiêu cho huyện Cao Lãnh				137.572	99.500	25.000	25.000	-	-	
a	Các dự án dự kiến khởi công năm 2022				137.572	99.500	25.000	25.000	-	-	

STT	Nội dung	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư năm 2022 theo Nghị quyết số 81	Điều chỉnh Kế hoạch vốn đầu tư năm 2022 cuối năm			Ghi chú
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư			Tổng số	Trong đó:		
					Tổng số	Trong đó: vốn ngân sách Tỉnh			Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ đọng XDCB	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	- Bờ kè hoa viên cấp QL30 (cấp sông Xóm Giồng)	UBND HCL	2022-2023	Số 1863/QĐ-UBND ngày 30/11/2021 của UBND Huyện	45.000	31.500	8.000	10.000			
	- Hoàn thiện mặt đường nội ô thị trấn	UBND HCL	2021-2022	Số 807/QĐ-UBND ngày 30/9/2021 của UBND Huyện	14.572	14.000	4.000	10.000			
	- Trục đường vào khu đô thị mới đường Thống Linh	UBND HCL	2022-2024	Số 1865/QĐ-UBND ngày 30/11/2021 của UBND Huyện	18.000	18.000	5.000	5.000			
	- Đường trục chính số 4, khóm Mỹ Thuận	UBND HCL	2022-2024	Số 1867/QĐ-UBND ngày 30/11/2021 của UBND Huyện	60.000	36.000	8.000				
(1.5)	Hỗ trợ có mục tiêu cho huyện Tháp Mười				288.952	90.000	40.000	40.000	-	-	
a	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2022				14.196	10.000	5.000	5.000	-	-	
	- Chinh trang, nâng cấp đầu voi chợ Trường Xuân theo quy hoạch	UBND HTM	2021-2022	Số 5359/QĐ-UBND ngày 21/12/2020 của UBND huyện	14.196	10.000	5.000	5.000			
b	Các dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2022				84.108	55.000	25.000	25.000	-	-	

STT	Nội dung	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư năm 2022 theo Nghị quyết số 81	Điều chỉnh Kế hoạch vốn đầu tư năm 2022 cuối năm			Ghi chú
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư			Tổng số	Trong đó:		
					Tổng số	Trong đó: vốn ngân sách Tỉnh			Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ đọng XDCB	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	- Cầu kênh Nguyễn Văn Tiếp A	UBND HTM	2021-2023	Số 5357/QĐ-UBND ngày 21/12/2020 của UBND huyện	84.108	55.000	25.000	25.000			
c	Các dự án dự kiến khởi công năm 2022				190.648	25.000	10.000	10.000	-	-	
	- Đầu tư hạ tầng Khu đô thị Bắc Mỹ An	UBND HTM	2021-2023	Số 436/QĐ-UBND 31/10/2019; 11501/QĐ-UBND ngày 17/12/2021 UBND huyện	190.648	25.000	10.000	10.000			
(1.6)	Hỗ trợ có mục tiêu cho Thành phố Sa Đéc				108.359	50.000	10.000	20.000	-	-	
a	Các dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2022				108.359	50.000	10.000	20.000	-	-	
	- Cầu và Đường Nguyễn Tất Thành nối dài	UBND TPŞĐ	2021-2023	Số 374/QĐ-UBND-XDCB ngày 27/11/2020 của thành phố	108.359	50.000	10.000	20.000			
(1.7)	Hỗ trợ có mục tiêu cho huyện Lấp Vò				138.283	40.000	15.000	9.380	-	-	
a	Các dự án dự kiến khởi công năm 2022				138.283	40.000	15.000	9.380	-	-	

STT	Nội dung	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư năm 2022 theo Nghị quyết số 81	Điều chỉnh Kế hoạch vốn đầu tư năm 2022 cuối năm			Ghi chú
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư			Tổng số	Trong đó:		
					Tổng số	Trong đó: vốn ngân sách Tỉnh			Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ đọng XDCB	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	- Đường Rạch Ngã Cày (đoạn từ rạch Cái Dầu đến vòng xoay Nguyễn Huệ) <i>(Hạng mục: Bồi thường, xây dựng)</i>	UBND HLVo	2021-2023	Số 1639/QĐ-UBND.HC ngày 29/11/2021 của UBND huyện	30.741	20.000	5.000	9.380			
	- Khu dân cư đường Đ13	UBND HLVo	2022-2024		51.600	10.000	5.000				
	- Khu dân cư đường Đ5	UBND HLVo	2022-2024		55.942	10.000	5.000				
(1.8)	Hỗ trợ có mục tiêu cho huyện Lai Vung				100.168	26.000	10.000	-	-	-	
a	Các dự án dự kiến khởi công năm 2022				100.168	26.000	10.000	-	-	-	
	- Đường Phan Văn Bảy (đoạn tiếp giáp đường Đ-02 đến đường Ngô Gia Tự)	UBND HLVung	2022-2024		43.925	16.000	5.000				
	- Đường D5 (từ đường N9 đến ĐT851)	UBND HLVung	2021-2023		56.243	10.000	5.000				
(1.9)	Hỗ trợ có mục tiêu cho huyện Tân Hồng				59.576	43.000	-	16.800	-	-	
a	Các dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2022				59.576	43.000	-	16.800	-	-	

STT	Nội dung	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư năm 2022 theo Nghị quyết số 81	Điều chỉnh Kế hoạch vốn đầu tư năm 2022 cuối năm			Ghi chú
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư			Tổng số	Trong đó:		
					Tổng số	Trong đó: vốn ngân sách Tỉnh			Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ đọng XDCB	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	Nâng cấp hệ thống giao thông thoát nước chống ngập úng thị trấn Sa Rài (Giai đoạn 2)	UBND HTH	2020-2022	Số 284/QĐ-UBND.ĐTXD ngày 27/8/2020 của UBND huyện	59.576	43.000		16.800			
VII	Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản				113.105	79.300	26.000	28.200	-	-	
(1)	- Đầu tư hoàn chỉnh hệ thống hạ tầng kỹ thuật đối với các cụm dân cư vượt lũ giai đoạn 01 trên địa bàn tỉnh (hỗ trợ có mục tiêu cho cấp cho cấp huyện)	UBND cấp huyện	2021-2024	226/KH-UBND ngày 02/10/2020 của UBND tỉnh	113.105	79.300	26.000	28.200	-	-	
	Trong đó:				60.086	31.252	26.000	28.200	-	-	
(1.1)	Hỗ trợ có mục tiêu cho huyện Tam Nông				19.387	11.600	11.600	11.600	-	-	
a	Các dự án dự kiến khởi công năm 2022				19.387	11.600	11.600	11.600	-	-	
	- Cải tạo sửa chữa hạ tầng kỹ thuật Cụm dân cư Cả Nổ	UBND HTN	2021-2022	Số 1016/QĐ-UBND-HC ngày 23/7/2021 của UBND huyện	5.566	4.000	4.000	4.000			
	- Cải tạo sửa chữa hạ tầng Cụm dân cư trung tâm xã Phú Ninh	UBND HTN	2021-2022	Số 1017/QĐ-UBND-HC ngày 23/7/2021 của UBND huyện	8.161	4.000	4.000	4.000			

STT	Nội dung	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư năm 2022 theo Nghị quyết số 81	Điều chỉnh Kế hoạch vốn đầu tư năm 2022 cuối năm			Ghi chú
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư			Tổng số	Trong đó:		
					Tổng số	Trong đó: vốn ngân sách Tỉnh			Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ đọng XDCB	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	- Cải tạo sửa chữa hạ tầng Cụm dân cư trung tâm xã Phú Thành A	UBND HTN	2021-2023	Số 1132/QĐ-UBND-HC ngày 16/8/2021 của UBND huyện	5.660	3.600	3.600	3.600			
(1.2)	Hỗ trợ có mục tiêu cho huyện Tháp Mười				12.581	3.700	3.700	3.700	-	-	
a	Các dự án dự kiến khởi công năm 2022				12.581	3.700	3.700	3.700	-	-	
	- CDC trung tâm xã Phú Điền	UBND HTM	2021-2022	Số 10545/QĐ-UBND ngày 12/11/2021 của UBND huyện Tháp Mười	5.182	900	900	900			
	- CDC Phú Điền mở rộng	UBND HTM	2022-2023	Số 10546/QĐ-UBND ngày 12/11/2021 của UBND huyện Tháp Mười	1.887	800	800	800			
	- TDC kênh Đồng Tiến	UBND HTM	2021-2022	Số 10547/QĐ-UBND ngày 12/11/2021 của UBND huyện Tháp Mười	5.512	2.000	2.000	2.000			
(1.3)	Hỗ trợ có mục tiêu cho huyện Cao Lãnh				6.375	3.600	3.600	3.600	-	-	
a	Các dự án dự kiến khởi công năm 2022				6.375	3.600	3.600	3.600	-	-	

STT	Nội dung	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư năm 2022 theo Nghị quyết số 81	Điều chỉnh Kế hoạch vốn đầu tư năm 2022 cuối năm			Ghi chú
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư			Tổng số	Trong đó:		
					Tổng số	Trong đó: vốn ngân sách Tỉnh			Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ đọng XDCB	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	- CDC xã Phương Trà	UBND HCL	2021-2022	Số 1836/QĐ-UBND ngày 29/11/2021 của UBND Huyện	6.375	3.600	3.600	3.600			
(1.4)	Hỗ trợ có mục tiêu cho huyện Lai Vung				4.300	3.352	3.300	3.300	-	-	
a	Các dự án dự kiến khởi công năm 2022				4.300	3.352	3.300	3.300	-	-	
	- CDC xã Vĩnh Thới	UBND HLVung	2021-2023	Số 210/QĐ-UBND-XDCB ngày 05/8/2021 của UBND huyện	4.300	3.352	3.300	3.300			
(1.5)	Hỗ trợ có mục tiêu cho huyện Tân Hồng				17.443	9.000	3.800	6.000	-	-	
a	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2022				6.789	3.400	1.300	700	-	-	
	- CDC xã An Phước	UBND HTH	2020-2022	Số 327/QĐ-UBND.XDCB ngày 28/12/2020 của UBND huyện	6.789	3.400	1.300	700			
b	Các dự án dự kiến khởi công năm 2022				10.654	5.600	2.500	5.300	-	-	
	- CDC Thống Nhất	UBND HTH	2022-2024	Số 395/QĐ-UBND.ĐTXD ngày 19/11/2021 của UBND huyện	6.558	4.000	1.500	3.700			

STT	Nội dung	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư năm 2022 theo Nghị quyết số 81	Điều chỉnh Kế hoạch vốn đầu tư năm 2022 cuối năm			Ghi chú
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư			Tổng số	Trong đó:		
					Tổng số	Trong đó: vốn ngân sách Tỉnh			Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ đọng XDCB	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	- CDC Bắc Trang	UBND HTH	2022-2023	Số 394/QĐ-UBND.ĐTXD ngày 19/11/2021 của UBND huyện	4.096	1.600	1.000	1.600			
VIII	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị-xã hội				298.471	215.985	51.800	56.323	573	-	
(1)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2022				88.471	65.985	33.800	26.323	573	-	
a	Dự án nhóm C				88.471	65.985	33.800	26.323	573		
1	- Cải tạo Trụ sở làm việc Sở Khoa học và Công nghệ	Sở KH&CN	2021-2023	Số 1468/QĐ-UBND-HC ngày 28/9/2021 của UBND Tỉnh	7.095	7.095	3.000	5.000			
2	- Dự án Kho lưu trữ thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở TN&MT	2021-2022	Số 1971/QĐ-UBND.HC ngày 29/12/2020 của UBND Tỉnh	15.860	15.860	9.200	9.200			

STT	Nội dung	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư năm 2022 theo Nghị quyết số 81	Điều chỉnh Kế hoạch vốn đầu tư năm 2022 cuối năm			Ghi chú
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư			Tổng số	Trong đó:		
					Tổng số	Trong đó: vốn ngân sách Tỉnh			Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ đọng XDCB	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
3	- Kho lưu trữ, nhà xe, nhà Đội cảnh vệ thuộc Văn phòng UBND Tỉnh	VPUBND Tỉnh	2021-2022	Số 370/QĐ-UBND.HC ngày 30/3/2021; 651/QĐ-UBND-HC ngày 31/05/2021 của UBND Tỉnh	14.294	14.294	9.000	6.550			
4	- Xây dựng Nhà ăn, hội trường và sửa chữa Trụ sở huyện ủy Lai Vung	UBND HLVung	2021-2023	Số 785/QĐ-UBND.HC ngày 16/6/2021 của UBND Tỉnh	25.163	25.163	12.600	5.000			
5	Trụ sở Cục Quản lý thị trường Tỉnh (NS Tỉnh đối ứng đền bù, GPMB)	Trung tâm Phát triển Quỹ đất (Sở TNMT)	2021-2023	2228/QĐ-BCT ngày 28/9/2021; 1094/QĐ-BCT ngày 06/6/2022 của Bộ Công thương	26.059	3.572,767		573	573		
(2)	Hỗ trợ có mục tiêu cho cấp huyện xây dựng Trụ sở UBND cấp xã tỉnh Đồng Tháp		2021-2025	VB số 477/UBND-ĐTXD ngày 28/12/2020 và số 271/UBND-ĐTXD ngày 12/7/2021 của UBND Tỉnh	210.000	150.000	18.000	30.000	-	-	
	Trong đó:										
(2.1)	Hỗ trợ có mục tiêu cho thành phố Sa Đéc				32.714	13.400	2.500	10.900	-	-	
a	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2022				14.772	5.000	2.500	2.500	-	-	

STT	Nội dung	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư năm 2022 theo Nghị quyết số 81	Điều chỉnh Kế hoạch vốn đầu tư năm 2022 cuối năm			Ghi chú
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư			Tổng số	Trong đó:		
					Tổng số	Trong đó: vốn ngân sách Tỉnh			Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ đọng XDCB	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	- Trụ sở UBND phường 2	UBND TPŞĐ	2021-2022	Số 119/QĐ-UBND.HC ngày 15/6/2021 của UBND thành phố	14.772	5.000	2.500	2.500			
<i>b</i>	<i>Các dự án khởi công mới năm 2022</i>				<i>17.942</i>	<i>8.400</i>	-	<i>8.400</i>	-	-	
	- Trụ sở UBND phường 3	UBND TPŞĐ	2021-2023	Số 206/QĐ-UBND-XDCB ngày 03/11/2021 của UBND TPŞĐ	12.745	5.000		5.000			
	- Sửa chữa mở rộng Trụ sở UBND xã Tân Quy Tây	UBND TPŞĐ	2021-2022	Số 216/QĐ-UBND-XDCB ngày 15/11/2021 của UBND TPŞĐ	5.197	3.400		3.400			
(2.2)	Hỗ trợ có mục tiêu cho huyện Hồng Ngự				16.086	10.000	4.000	4.000	-	-	
<i>a</i>	<i>Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2022</i>				<i>16.086</i>	<i>10.000</i>	<i>4.000</i>	<i>4.000</i>	-	-	
	- Trụ sở UBND xã Phú Thuận A	UBND HHN	2021-2022	Số 6026/QĐ-UBND ngày 30/12/2020 của UBND huyện	7.819	5.000	2.000	2.000			
	- Trụ sở UBND xã Thường Phước 2	UBND HHN	2021-2022	Số 6150/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND huyện	8.267	5.000	2.000	2.000			

STT	Nội dung	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư năm 2022 theo Nghị quyết số 81	Điều chỉnh Kế hoạch vốn đầu tư năm 2022 cuối năm			Ghi chú
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư			Tổng số	Trong đó:		
					Tổng số	Trong đó: vốn ngân sách Tỉnh			Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ đọng XDCB	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
(2.3)	Hỗ trợ có mục tiêu cho huyện Tam Nông				2.474	1.800	1.000	1.800	-	-	
<i>a</i>	<i>Các dự án dự kiến khởi công mới năm 2022</i>				2.474	1.800	1.000	1.800	-	-	
	- Cải tạo sửa chữa Trụ sở làm việc UBND xã Phú Hiệp	UBND HTN	2021-2023	Số 2237/QĐ-UBND-HC ngày 25/11/2021 của UBND huyện	2.474	1.800	1.000	1.800			
(2.4)	Hỗ trợ có mục tiêu cho huyện Tháp Mười				11.347	7.000	4.000	1.400	-	-	
<i>a</i>	<i>Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2022</i>				7.422	4.400	1.400	1.400	-	-	
	- Cải tạo, nâng cấp Trụ sở UBND thị trấn Mỹ An	UBND HTM	2021-2022	Số 6323/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND huyện	4.023	2.200	700	700			
	- Cải tạo, nâng cấp Trụ sở UBND xã Phú Điền	UBND HTM	2021-2022	Số 6324/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND huyện	3.399	2.200	700	700			
<i>b</i>	<i>Các dự án dự kiến khởi công mới năm 2022</i>				3.925	2.600	2.600	-	-	-	
	- Cải tạo, nâng cấp Trụ sở UBND xã Đốc Bình Kiều	UBND HTM	2022-2023		3.925	2.600	2.600				

STT	Nội dung	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư năm 2022 theo Nghị quyết số 81	Điều chỉnh Kế hoạch vốn đầu tư năm 2022 cuối năm			Ghi chú	
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư			Tổng số	Trong đó:			
					Tổng số	Trong đó: vốn ngân sách Tỉnh			Tổng số	Trong đó:		
										Thu hồi các khoản vốn ứng trước		Thanh toán nợ đọng XDCB
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	
(2.5)	Hỗ trợ có mục tiêu cho huyện Lấp Vò				16.745	10.000	4.000	4.000	-	-		
a	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2022				16.745	10.000	4.000	4.000	-	-		
	- Trụ sở UBND Thị trấn Lấp Vò	UBND H. Lấp Vò	2021-2022	Số 715/QĐ-UBND.HC ngày 23/3/2021 của UBND huyện	8.117	5.000	2.000	2.000				
	- Trụ sở UBND xã Hội An Đông	UBND H. L Vò	2020-2022	Số 943/QĐ-UBND.HC ngày 28/6/2021 của UBND huyện	8.628	5.000	2.000	2.000				
(2.6)	Hỗ trợ có mục tiêu cho huyện Cao Lãnh				4.333	4.000	2.000	2.000	-	-		
a	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2022				4.333	4.000	2.000	2.000	-	-		
	- Trụ sở UBND xã Phương Thịnh	UBND HCL	2020-2022	Số 319/QĐ-UBND ngày 12/7/2021 và số 944/QĐ-UBND ngày 07/10/2021 của UBND huyện	1.921	1.700	700	700				
	- Trụ sở UBND xã Bình Hàng Trung	UBND HCL	2020-2022	Số 320/QĐ-UBND ngày 12/7/2021 và số 942/QĐ-UBND ngày 07/10/2021 của UBND huyện	2.412	2.300	1.300	1.300				

STT	Nội dung	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư năm 2022 theo Nghị quyết số 81	Điều chỉnh Kế hoạch vốn đầu tư năm 2022 cuối năm			Ghi chú
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư			Tổng số	Trong đó:		
					Tổng số	Trong đó: vốn ngân sách Tỉnh			Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ đọng XDCB	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
(2.7)	Hỗ trợ có mục tiêu cho thành phố Hồng Ngự				7.904	3.500	500	500	-	-	
a	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2022				7.904	3.500	500	500	-	-	
	- Trụ sở UBND phường An Lạc	UBND TPHN	2021-2022	Số 1085/QĐ-UBND ngày 11/6/2021 của UBND thành phố	7.904	3.500	500	500			
(2.8)	Hỗ trợ có mục tiêu huyện Lai Vung				11.637	5.400	-	5.400	-	-	
a	Các dự án khởi công mới năm 2022				11.637	5.400	-	5.400	-	-	
	- Trụ sở UBND xã Định Hòa	UBND H L Vung	2021-2023	Số 366/QĐ-UBND-XDCB ngày 03/11/2021 của UBND huyện	6.088	3.200		3.200			
	- Trụ sở UBND xã Vĩnh Thới	UBND H L Vung	2021-2023	Số 335/QĐ-UBND-XDCB ngày 03/11/2021 của UBND huyện	5.549	2.200		2.200			
IX	Văn hóa				55.108	21.800	18.900	-	-	-	
(1)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2022				55.108	21.800	18.900	-	-	-	
a	Dự án nhóm A				55.108	21.800	18.900	-	-	-	

STT	Nội dung	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư năm 2022 theo Nghị quyết số 81	Điều chỉnh Kế hoạch vốn đầu tư năm 2022 cuối năm			Ghi chú
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư			Tổng số	Trong đó:		
					Tổng số	Trong đó: vốn ngân sách Tỉnh			Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ đọng XDCB	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
1	- Nhà trưng bày Xứ ủy Nam bộ và văn hóa Óc Eo tại Khu di tích quốc gia đặc biệt Gò Tháp, tỉnh Đồng Tháp	BQLDA ĐTXDCT DD&CN Tỉnh	2017-2022	Số 1307/QĐ-UBND.HC ngày 24/8/2020; 1071/QĐ-UBND.HC ngày 03/8/2021 (QĐĐT đ/c) của UBND Tỉnh	55.108	21.800	18.900				
X	Xã hội				9.323	9.300	6.000	5.880	-	-	
(1)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2022				9.323	9.300	6.000	5.880	-	-	
a	Dự án nhóm C				9.323	9.300	6.000	5.880	-	-	
1	- San lấp mặt bằng và xây dựng mới hàng rào cơ sở Điều trị nghiện Tỉnh	BQLDA ĐTXDCT DD&CN Tỉnh	2021-2023	Số 1316/QĐ-UBND-HC ngày 06/09/2021 của UBND tỉnh	9.323	9.300	6.000	5.880			
XI	Phát thanh truyền hình thông tấn				57.112	33.500	15.000	15.000	-	-	
(1)	Các dự án khởi công mới năm 2022				57.112	33.500	15.000	15.000	-	-	
a	Dự án nhóm B				57.112	33.500	15.000	15.000	-	-	

STT	Nội dung	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư năm 2022 theo Nghị quyết số 81	Điều chỉnh Kế hoạch vốn đầu tư năm 2022 cuối năm			Ghi chú
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư			Tổng số	Trong đó:		
					Tổng số	Trong đó: vốn ngân sách Tỉnh			Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ đọng XDCB	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
1	- Dự án Thiết bị truyền hình kỹ thuật số chuẩn HD	Đài PT & TH Đồng Tháp	2022-2025	Số 528/QĐ-UBND.HC ngày 10/5/2021; 1126/QĐ-UBND-HC ngày 10/8/2021 của UBND Tỉnh	57.112	33.500	15.000	15.000			
XII	Thể dục, thể thao				42.061	42.061	8.000	37.000	5.300	-	
(1)	Các dự án khởi công mới năm 2022 (chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022)				42.061	42.061	8.000	37.000	5.300	-	
a	Dự án nhóm C				42.061	42.061	8.000	37.000	5.300	-	
1	- Cải tạo, sửa chữa cơ sở vật chất khu liên hợp thể dục thể thao	Ban QLDA ĐTXDCT DD&CN Tỉnh	2021-2023	Số 885/QĐ-UBND-HC ngày 07/7/2021 của UBND Tỉnh	42.061	42.061	8.000	37.000	5.300		
XIII	Giao thông	-	-	-	3.206.948	1.228.543	20.500	12.100	-	-	
(1)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2022				32.893	2.893	-	2.100	-	-	
a	Dự án nhóm C				32.893	2.893	-	2.100	-	-	

STT	Nội dung	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư năm 2022 theo Nghị quyết số 81	Điều chỉnh Kế hoạch vốn đầu tư năm 2022 cuối năm			Ghi chú
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư			Tổng số	Trong đó:		
					Tổng số	Trong đó: vốn ngân sách Tỉnh			Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ đọng XDCB	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	- Bến phà Tân Châu – Hồng Ngự (phía bờ huyện Hồng Ngự)	Sở GTVT	2018 - Quý II/2022	Số 1420/QĐ-UBND-HC ngày 16/9/2020; 1929/QĐ-UBND-HC ngày 21/12/2021 của UBND Tỉnh	32.893	2.893		2.100			
(2)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022	-	-	-	238.055	23.650	-	10.000	-	-	
a	Dự án nhóm B				238.055	23.650	-	10.000	-	-	
	- Nâng cấp mở rộng tuyến đường ĐT842	Ban QLDA ĐTXDCT Giao thông, TTPTQĐ (Sở TNMT)	2021-2024	Số 645/QĐ-UBND-HC ngày 28/5/2021 của UBND Tỉnh	238.055	23.650		10.000			
(3)	Các dự án dự kiến khởi công mới năm 2022				2.936.000	1.202.000	20.500	-	-	-	
a	Dự án nhóm A				2.936.000	1.202.000	20.500	-	-	-	
1	- Hạ tầng giao thông khu vực Nam sông Tiền, tỉnh Đồng Tháp	Sở GTVT	2021-2025		2.936.000	1.202.000	20.500				
XIV	Môi trường				49.117	49.117	35.000				
(1)	Các dự án dự kiến khởi công mới năm 2022				49.117	49.117	35.000				

STT	Nội dung	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư năm 2022 theo Nghị quyết số 81	Điều chỉnh Kế hoạch vốn đầu tư năm 2022 cuối năm			Ghi chú
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư			Tổng số	Trong đó:		
					Tổng số	Trong đó: vốn ngân sách Tỉnh			Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ đọng XDCB	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
a	Dự án nhóm C				49.117	49.117	35.000				
1	- Mở rộng Trung tâm công nghệ xử lý môi trường Mỹ Thọ (giai đoạn 1)	TT PTQĐ-Sở TN&MT	2021-2022	727/QĐ-UBND-HC ngày 11/06/2021 của UBND Tỉnh (CTĐT)	49.117	49.117	35.000				
XV	Các dự án khác đang đẩy nhanh tiến độ thực hiện	-	-	-	40.126	39.600	-	13.800			
1	Công trình công cộng tại các đô thị, hạ tầng kỹ thuật khu đô thị mới				8.848	8.400	-	2.000	-	-	
1.1	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2022				8.848	8.400	-	2.000	-	-	
a	Dự án nhóm C				8.848	8.400	-	2.000	-	-	
1	Cải tạo hạ tầng đô thị khu vực chợ Thường Thới	UBND HHN	2021-2022	Số 6134/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND Huyện	8.848	8.400		2.000			
2	An ninh và trật tự, an toàn xã hội				25.672	25.600	-	7.000	-	-	
2.1	Các dự án khởi công mới năm 2022				25.672	25.600	-	7.000	-	-	
a	Dự án nhóm C				25.672	25.600	-	7.000	-	-	

STT	Nội dung	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư năm 2022 theo Nghị quyết số 81	Điều chỉnh Kế hoạch vốn đầu tư năm 2022 cuối năm			Ghi chú
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư			Tổng số	Trong đó:		
					Tổng số	Trong đó: vốn ngân sách Tỉnh			Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ đọng XDCB	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
1	Nhà làm việc Đội Cảnh sát giao thông khu vực Hồng Ngự	Công an Tỉnh	2022-2024	Số 967/QĐ-UBND.HC ngày 26/8/2022 của UBND Tỉnh	13.168	13.100		3.500			
2	Nhà làm việc Đội Cảnh sát giao thông khu vực Tháp Mười	Công an Tỉnh	2022-2024	Số 917/QĐ-UBND.HC ngày 16/8/2022 của UBND Tỉnh	12.504	12.500		3.500			
3	Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản				5606	5600		4.800			
3.1	Các dự án khởi công mới năm 2022				5606	5600		4.800			
a	Dự án nhóm C				5606	5600		4.800			
1	Xây dựng các hạng mục PCCCR phân khu A5	Ban QLDA ĐTXD CT NN&PTNT	2021-2022	Số 188/QĐ-UBND.HC ngày 02/03/2022 của UBND Tỉnh	5.606	5.600		4.800			

Ghi chú:

(*) Giao UBND Tỉnh phân khai chi tiết

PHỤ LỤC 2**ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN XỔ SỔ KIẾN THIẾT DO TỈNH QUẢN LÝ VÀ PHÂN BỐ NĂM 2022***(Kèm theo Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 14/11/2022 của HĐND tỉnh Đồng Tháp)**Đơn vị tính: triệu đồng*

STT	Nội dung	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư năm 2022 theo Nghị quyết	Điều chỉnh Kế hoạch vốn đầu tư năm 2022			Ghi chú
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư			Tổng số	Trong đó:		
					Tổng số	Trong đó: vốn ngân sách Tỉnh			Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ đọng XDCB	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	TỔNG SỐ				17.238.877	9.283.544	1.500.000	1.500.000	84.884		
	* Theo ngành, lĩnh vực										
I	Nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư; thanh toán chi phí tất toán công trình hoàn thành				200.000	200.000	20.252	18.342			
II	Thực hiện dự án				17.038.877	9.083.544	1.479.748	1.481.658	84.884		
	Cụ thể:										
1	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp				4.281.387	3.190.220	586.200	683.516	8.200		
2	Y tế, dân số và gia đình				270.488	270.489	49.200	19.630			
3	Giao thông				6.941.357	3.427.312	583.670	585.912	76.684		
4	Công trình công cộng tại các đô thị, hạ tầng kỹ thuật khu đô thị mới				4.079.514	1.700.000	119.000	95.000			
5	Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản				517.667	208.436	66.678	47.088			
6	Xã hội				23.228	23.000	10.000	10.000			
7	Thể dục, thể thao				129.340	68.191	50.000	40.512			
8	Môi trường				795.896	195.896	15.000				
	* trong đó:										

STT	Nội dung	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư năm 2022 theo Nghị quyết	Điều chỉnh Kế hoạch vốn đầu tư năm 2022			Ghi chú
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư			Tổng số	Trong đó:		
					Tổng số	Trong đó: vốn ngân sách Tỉnh			Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ đọng XDCB	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	- Đầu tư các dự án Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới				1.247.201	791.191	265.670	305.230			
	* Cụ thể chi tiết										
A	Nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư; thanh toán chi phí tất toán công trình hoàn thành				200.000	200.000	20.252	18.342			(*)
a	Nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư.				100.000	100.000	10.490	6.680			
	Trong đó										
1	- Tu bổ, chống xuống cấp một số di tích trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp	Sở VH-TT&DL	2022-2024	334A/QĐ-SVHTTDL ngày 23/8/2021 của Sở VH-TT&DL (CBĐT); 1176/QĐ-UBND.HC ngày 16/8/2021 của UBND Tỉnh (CTĐT)	287	287		280			
2	- Bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị Khu di tích Nguyễn Sinh Sắc	Sở VH-TT&DL	2022-2023	371A/QĐ-SVHTTDL ngày 30/9/2021 của Sở VH-TT&DL (CBĐT); 1165/QĐ-UBND.HC ngày 28/9/2021 của UBND Tỉnh (CTĐT)	127	127		120			

STT	Nội dung	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư năm 2022 theo Nghị quyết	Điều chỉnh Kế hoạch vốn đầu tư năm 2022			Ghi chú
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư			Tổng số	Trong đó:		
					Tổng số	Trong đó: vốn ngân sách Tỉnh			Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ đọng XDCB	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
3	- Phát huy giá trị di tích lịch sử cách mạng	Sở VH-TT&DL	2022-2024	374A/QĐ-SVHTTDL ngày 11/10/2021 của Sở VH-TT&DL (CBĐT); 1527/QĐ-UBND.HC ngày 07/10/2021 của UBND Tỉnh (CTĐT)	394	394	500	390			
4	- Kè Hồ Cừ, xã Hoà An, thành phố Cao Lãnh (nối dài về phía hạ lưu)	Ban QLDA ĐTXD CT NN&PTNT Tỉnh	2021-2024	944/QĐ-UBND-HC ngày 14/07/2021 của UBND Tỉnh (CTĐT) và 127/QĐ-QLDA ngày 10/8/2021 của Ban QLDA ĐTXD CT NN&PTNT Tỉnh	2.691	2.691	5.000	2.600			
5	- Xử lý sạt lở cấp bách bờ sông Tiền khu vực xã Bình Hàng Trung, huyện Cao Lãnh (giai đoạn 2)	Ban QLDA ĐTXD CT NN&PTNT Tỉnh	2022-2025	945/QĐ-UBND-HC ngày 14/7/2021 của UBND Tỉnh (CTĐT) và 183/QĐ-QLDA ngày 10/8/2021 của Ban QLDA ĐTXD CT NN&PTNT Tỉnh	3.912	3.912	2.000	2.000			
6	- Nâng cấp tuyến đê bao, kè chống sạt lở, xây dựng hệ thống công dọc sông Tiền, Thành phố Cao Lãnh (giai đoạn 2)	Ban QLDA ĐTXD CT NN&PTNT Tỉnh	2022-2025	942/QĐ-UBND-HC ngày 14/7/2021 của UBND Tỉnh (CTĐT) và 127/QĐ-QLDA ngày 10/8/2021 của Ban QLDA ĐTXD CT NN&PTNT Tỉnh	5.133	5.133		1.070			

STT	Nội dung	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư năm 2022 theo Nghị quyết	Điều chỉnh Kế hoạch vốn đầu tư năm 2022			Ghi chú
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư			Tổng số	Trong đó:		
					Tổng số	Trong đó: vốn ngân sách Tỉnh			Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ đọng XDCB	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
7	Cụm công nghiệp Quảng Khánh (giai đoạn 2)	Trung tâm Đầu tư và Khai thác hạ tầng (Ban Quản lý Khu kinh tế	2022-2025	285/QĐ-UBND-HC ngày 30/03/2022 của UBND Tỉnh (CTĐT) và 41/QĐ-TT ngày 18/8/2022 của CĐT	519.005	119.005	2.990	220			
b	Thanh toán chi phí tất toán công trình hoàn thành				100.000	100.000	9.762	11.662			(*)
B	Thực hiện đầu tư				17.038.877	9.083.544	1.479.748	1.481.658	84.884	-	
	Cụ thể:				17.038.877	9.083.544	1.479.748	1.481.658	84.884		
I	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp				4.255.127	3.167.070	586.200	674.366	8.200		
(1)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2022				157.942	131.372	39.300	46.242			
a	Dự án nhóm C				157.942	131.372	39.300	46.242			
1	- Hỗ trợ thành phố Hồng Ngự thuộc Chương trình kiên cố hóa trường, lớp học tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2016-2020		2016-2022	233/2019/NQ-HĐND ngày 02/4/2019 của HĐND Tỉnh	22.258	20.359	500	6.759			
	- Trường THCS An Lộc	UBND TPHN	2018-2021	226/QĐ-UBND ngày 21/8/2017 của UBND thành phố	22.258	20.359	500	6.759			

STT	Nội dung	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư năm 2022 theo Nghị quyết	Điều chỉnh Kế hoạch vốn đầu tư năm 2022			Ghi chú
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư			Tổng số	Trong đó:		
					Tổng số	Trong đó: vốn ngân sách Tỉnh			Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ đọng XDCB	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
2	- Hỗ trợ huyện Hồng Ngự thực hiện đề án 8 xã biên giới				85.482	60.811	17.200	17.883			
	+ Trường THCS Thường Lạc (tên cũ: Trường THCS Thường Thới Hậu B)	UBND HHN	2019-2022	3794/QĐ-UBND ngày 25/10/2018, số 1817/QĐ-UBND ngày 29/4/2020 của UBND huyện	9.298	8.111		722			
	+ Trường TH Thường Lạc 2 (tên cũ: Trường TH Thường Thới Hậu B2)	UBND HHN	2019-2022	Số 3753/QĐ-UBND ngày 30/10/2019, số 1870/QĐ-UBND ngày 06/5/2020 của UBND huyện	18.201	13.300	3.300	3.911			
	+ Trường THCS Thường Phước 1	UBND HHN	2019-2022	Số 3754/QĐ-UBND ngày 30/10/2019, số 1871/QĐ-UBND ngày 06/5/2020 của UBND huyện	37.016	23.700	7.400	7.400			
	+ Trường THCS Thường Thới Hậu A	UBND HHN	2019-2022	Số 3752/QĐ-UBND ngày 30/10/2019, số 1869/QĐ-UBND ngày 06/5/2020 của UBND huyện	20.967	15.700	6.500	5.850			
3	- Hội trường trường THPT chuyên Nguyễn Quang Điều	Sở GDĐT	2021-2023	1980/QĐ-UBND.HC ngày 30/12/2020 và 643/QĐ-UBND.HC ngày 28/5/2021 của UBND Tỉnh	19.573	19.573	11.600	11.600			

STT	Nội dung	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư năm 2022 theo Nghị quyết	Điều chỉnh Kế hoạch vốn đầu tư năm 2022			Ghi chú
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư			Tổng số	Trong đó:		
					Tổng số	Trong đó: vốn ngân sách Tỉnh			Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ đọng XDCB	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
4	- Nâng cấp, mở rộng trung tâm dịch vụ việc làm tỉnh Đồng Tháp	Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình DD&CN Tỉnh	2019-2022	934/QĐ-UBND.HC ngày 03/9/2019, 1430/QĐ-UBND.HC ngày 20/9/2021 của UBND Tỉnh	30.629	30.629	10.000	10.000			
(2)	Các dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2022				321.083	321.083	80.000	99.000	8.200		
a	Dự án nhóm C				142.714	142.714	40.000	39.100			
1	- Dự án Mua sắm thiết bị mầm non giai đoạn 2021-2025	Sở GDĐT	2021-2023	640/QĐ-UBND.HC ngày 27/5/2021 của UBND Tỉnh	33.699	33.699	10.000	7.000			
2	- Trường Cao đẳng cộng đồng Đồng Tháp (giai đoạn 2)	Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình DD&CN Tỉnh	2021-2022	Số 574/QĐ-UBND.HC ngày 19/5/2021 của UBND Tỉnh	35.091	35.091	10.000	14.700			
3	Mua sắm thiết bị dạy học tin học	Sở GDĐT	2021-2023	Số 828/QĐ-UBND.HC ngày 29/6/2021 của UBND Tỉnh	32.420	32.420	10.000	7.400			

STT	Nội dung	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư năm 2022 theo Nghị quyết	Điều chỉnh Kế hoạch vốn đầu tư năm 2022			Ghi chú
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư			Tổng số	Trong đó:		
					Tổng số	Trong đó: vốn ngân sách Tỉnh			Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ đọng XDCB	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
4	- Dự án Mua sắm thiết bị bàn ghế học sinh phổ thông	Sở GDĐT	2021-2023	1954/QĐ-UBND.HC ngày 25/12/2020 của UBND Tỉnh	41.504	41.504	10.000	10.000			
b	Dự án nhóm B				178.369	178.369	40.000	59.900	8.200		
1	- Dự án Trường Trung học phổ thông Kiến Văn	Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình DD&CN Tỉnh	2019-2022	Số 1555/QĐ-UBND-HC ngày 07/10/2020 của UBND Tỉnh	68.056	68.056	20.000	20.000			
2	Dự án Trung học phổ thông thành phố Cao Lãnh	Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình DD&CN Tỉnh	2020-2023	Số 886/QĐ-UBND.HC ngày 07/7/2021 của UBND Tỉnh	110.313	110.313	20.000	39.900	8.200		
(3)	- Chương trình đảm bảo cơ sở vật chất cho chương trình giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông giai đoạn 2021-2025		2021-2025	385/NQ-HĐND ngày 08/12/2020 của HĐND Tỉnh	3.618.000	2.600.000	440.000	495.524			
	Trong đó:										
(3.1)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2022				136.321	136.067	50.100	42.004			

STT	Nội dung	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư năm 2022 theo Nghị quyết	Điều chỉnh Kế hoạch vốn đầu tư năm 2022			Ghi chú
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư			Tổng số	Trong đó:		
					Tổng số	Trong đó: vốn ngân sách Tỉnh			Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ đọng XDCB	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
a	Hỗ trợ huyện Hồng Ngự				29.057	29.057	14.500	8.252			
1	- Trường MG Phú Thuận A	UBND HHN	2021-2023	6027/QĐ-UBND ngày 30/12/2020 của UBND huyện	7.416	7.416	3.000	1.727			
2	- Trường MG Long Khánh B	UBND HHN	2021-2023	6030/QĐ-UBND ngày 30/12/2020 của UBND huyện	10.698	10.698	4.600	2.050			
3	- Trường TH Thường Phước 2A	UBND HHN	2021-2023	6029/QĐ-UBND ngày 30/12/2020 của UBND huyện	10.943	10.943	6.900	4.475			
b	Hỗ trợ thành phố Hồng Ngự				49.364	49.364	16.100	16.100			
1	- Trường MG Phường An Thạnh (Điểm chính)	UBND TPHN	2020-2022	471/QĐ-UBND 17/12/2020 của UBND thành phố	8.568	8.568	2.000	2.000			
2	- Trường TH Tân Hội	UBND TPHN	2020-2022	467/QĐ-UBND 17/12/2020 của UBND thành phố	25.353	25.353	9.500	9.500			
3	- Trường TH An Bình A3	UBND TPHN	2020-2022	472/QĐ-UBND 17/12/2020 của UBND thành phố	7.506	7.506	2.100	2.100			
4	- Trường TH An Lạc 1	UBND TPHN	2020-2022	470/QĐ-UBND 17/12/2020 của UBND thành phố	7.937	7.937	2.500	2.500			
c	Hỗ trợ huyện Tháp Mười				5.654	5.400	2.000	2.200			
1	- Trường TH Mỹ Quý 3	UBND HTM	2021-2022	6284/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND huyện	5.654	5.400	2.000	2.200			
d	Hỗ trợ huyện Cao Lãnh				14.624	14.624	3.000	3.000			

STT	Nội dung	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư năm 2022 theo Nghị quyết	Điều chỉnh Kế hoạch vốn đầu tư năm 2022			Ghi chú
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư			Tổng số	Trong đó:		
					Tổng số	Trong đó: vốn ngân sách Tỉnh			Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ đọng XDCB	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
1	- Trường TH thị trấn Mỹ Thọ 1 (điểm chính)	UBND HCL	2020-2022	510/QĐ-UBND ngày 24/8/2020 và 850/QĐ-UBND ngày 29/12/2020 của UBND huyện	14.624	14.624	3.000	3.000			
<i>e</i>	Hỗ trợ thành phố Cao Lãnh				6.809	6.809	1.000	1.600			
1	- Trường MN Trúc Xanh (giai đoạn 2)	UBND TPCL	2021-2022	2121/QĐ-UBND ngày 22/12/2020 của UBND thành phố	6.809	6.809	1.000	1.600			
<i>f</i>	Hỗ trợ huyện Lấp Vò				5.059	5.059	2.000	2.000			
1	- Trường Mầm non Mỹ An Hưng A	UBND H. Lấp Vò	2021-2022	722/QĐ-UBND.HC ngày 24/3/2021 của UBND huyện	5.059	5.059	2.000	2.000			
<i>g</i>	Hỗ trợ huyện Châu Thành				25.754	25.754	11.500	8.852			
1	- Trường MG An Hiệp	UBND HCT	2020-2022	1174/QĐ-UBND ngày 18/12/2020 của UBND huyện	6.631	6.631	2.500	1.747			
2	- Trường MN An Khánh A (điểm An Bình)	UBND HCT	2020-2022	1168/QĐ-UBND ngày 18/12/2020 của UBND huyện	4.165	4.165	1.000	121			
3	- Trường TH Nha Mân 2 (điểm chính)	UBND HCT	2020-2022	1172/QĐ-UBND ngày 18/12/2020 của UBND huyện	14.958	14.958	8.000	6.984			
(3.2)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022				1.076.964	1.030.493	197.700	207.148			
<i>a</i>	Hỗ trợ huyện Tân Hồng				279.063	269.970	44.500	52.900			

STT	Nội dung	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư năm 2022 theo Nghị quyết	Điều chỉnh Kế hoạch vốn đầu tư năm 2022			Ghi chú
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư			Tổng số	Trong đó:		
					Tổng số	Trong đó: vốn ngân sách Tỉnh			Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ đọng XDCB	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
1	- Trường MG Tân Phước	UBND HTH	2021-2022	266/QĐ-UBND.ĐTXD ngày 19/12/2020 và 289/QĐ-UBND.ĐTXD ngày 14/9/2021 của UBND huyện	13.067	13.067	3.000	3.800			
2	- Trường MN Thị trấn Sa Rài	UBND HTH	2021-2022	267/QĐ-UBND.ĐTXD ngày 19/12/2020 và 150/QĐ-UBND.ĐTXD ngày 01/7/2021 của UBND huyện	8.512	8.512	3.000	3.700			
3	- Trường MG Tân Công Chí	UBND HTH	2021-2022	268/QĐ-UBND.ĐTXD ngày 19/12/2020 và 305/QĐ-UBND.ĐTXD ngày 24/9/2021 của UBND huyện	12.048	12.048	3.000	700			
4	- Trường TH Giồng Găng	UBND HTH	2021-2022	269/QĐ-UBND.ĐTXD ngày 19/12/2020 của UBND huyện	19.125	19.125	3.000	3.500			

STT	Nội dung	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư năm 2022 theo Nghị quyết	Điều chỉnh Kế hoạch vốn đầu tư năm 2022			Ghi chú	
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư			Tổng số	Trong đó:			
					Tổng số	Trong đó: vốn ngân sách Tỉnh			Tổng số	Trong đó:		
										Thu hồi các khoản vốn ứng trước		Thanh toán nợ đọng XDCB
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	
5	- Trường TH Trần Phú	UBND HTH	2021-2022	270/QĐ-UBND.ĐTXD ngày 19/12/2020 và 274/QĐ-UBND.ĐTXD ngày 11/9/2021 của UBND huyện	13.099	13.099	3.000	6.300				
6	- Trường TH Nguyễn Huệ	UBND HTH	2021-2022	271/QĐ-UBND.ĐTXD ngày 19/12/2020 của UBND huyện	19.680	19.680	3.000	4.500				
7	- Trường THCS Nguyễn Quang Diêu	UBND HTH	2021-2022	272/QĐ-UBND.ĐTXD ngày 19/12/2020 của UBND huyện	37.179	37.179	3.000	1.300				
8	- Trường THCS Tân Phước	UBND HTH	2021-2022	273/QĐ-UBND.ĐTXD ngày 19/12/2020 của UBND huyện	29.776	29.776	3.000	4.700				
9	- Trường THCS Tân Hộ Cơ	UBND HTH	2021-2022	274/QĐ-UBND.ĐTXD ngày 19/12/2020 của UBND huyện	29.723	29.723	3.000	3.000				

STT	Nội dung	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư năm 2022 theo Nghị quyết	Điều chỉnh Kế hoạch vốn đầu tư năm 2022			Ghi chú
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư			Tổng số	Trong đó:		
					Tổng số	Trong đó: vốn ngân sách Tỉnh			Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ đọng XDCB	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
10	- Trường MG Tân Thành A (điểm chính)	UBND HTH	2021-2022	316/QĐ-UBND.ĐTXD ngày 28/12/2020 và 319/QĐ-UBND.ĐTXD ngày 08/10/2021 (điều chỉnh dự án) của UBND huyện	10.329	10.329	3.500	2.000			
11	- Trường TH Tân Công Chí 1	UBND HTH	2021-2022	317/QĐ-UBND.ĐTXD ngày 28/12/2020 và 331/QĐ-UBND.ĐTXD ngày 18/10/2021 (điều chỉnh dự án) của UBND huyện	9.017	9.017	3.500	3.500			
12	- Trường TH Bình Phú 2	UBND HTH	2021-2022	318/QĐ-UBND.ĐTXD ngày 28/12/2020 và 331/QĐ-UBND.ĐTXD ngày 18/10/2021 (điều chỉnh dự án) của UBND huyện	11.882	11.882	3.500	4.500			
13	- Trường TH Tân Thành B2	UBND HTH	2021-2022	319/QĐ-UBND.ĐTXD ngày 28/12/2020 của UBND huyện	29.680	29.680	3.500	5.200			

STT	Nội dung	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư năm 2022 theo Nghị quyết	Điều chỉnh Kế hoạch vốn đầu tư năm 2022			Ghi chú
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư			Tổng số	Trong đó:		
					Tổng số	Trong đó: vốn ngân sách Tỉnh			Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ đọng XDCB	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
14	- Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi	UBND HTH	2021-2022	320/QĐ-UBND.ĐTXD ngày 28/12/2020 của UBND huyện	35.946	26.853	3.500	6.200			
b	Hỗ trợ thành phố Hồng Ngự				17.131	17.131	5.000	5.000			
1	- Trường MN Thị xã Hồng Ngự	UBND TPHN	2017-2022	468/QĐ-UBND 17/12/2020 của UBND thành phố	17.131	17.131	5.000	5.000			
c	Hỗ trợ huyện Tam Nông				87.040	73.928	22.700	25.827			
1	- Trường TH Tràm Chim 2 (điểm chính)	UBND HTN	2020-2022	1780/QĐ-UBND-HC ngày 18/12/2020 của UBND huyện	13.844	11.807	3.500	3.427			
2	- Trường TH Phú Ninh B (điểm chính)	UBND HTN	2020-2022	1889/QĐ-UBND-HC ngày 24/12/2020 của UBND huyện	24.017	18.752	4.000	8.338			
3	- Trường TH Phú Hiệp A (điểm chính)	UBND HTN	2020-2022	1891/QĐ-UBND-HC ngày 24/12/2020 của UBND huyện	26.352	21.558	8.000	7.972			
4	- Trường THCS An Hòa	UBND HTN	2020-2022	1930/QĐ-UBND-HC ngày 18/12/2020 của UBND huyện	22.827	21.811	7.200	6.090			
d	Hỗ trợ huyện Thanh Bình				146.980	146.980	24.000	23.555			

STT	Nội dung	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư năm 2022 theo Nghị quyết	Điều chỉnh Kế hoạch vốn đầu tư năm 2022			Ghi chú
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư			Tổng số	Trong đó:		
					Tổng số	Trong đó: vốn ngân sách Tỉnh			Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ đọng XDCB	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
1	- Trường THCS Tân Thạnh	UBND HTB	2021 2023	380/QĐ-UBND ngày 30/12/2020 của UBND huyện	35.544	35.544	6.000	3.852			
2	- Trường THCS An Phong	UBND HTB	2021 2023	379/QĐ-UBND ngày 30/12/2020 của UBND huyện	37.654	37.654	5.000	3.291			
3	- Trường TH Tân Mỹ 1	UBND HTB	2021 2023	381/QĐ-UBND ngày 30/12/2020 của UBND huyện	31.807	31.807	6.000	8.615			
4	- Trường TH Tân Quới 2	UBND HTB	2021 2023	382/QĐ-UBND ngày 30/12/2020 của UBND huyện	41.975	41.975	7.000	7.797			
<i>e</i>	<i>Hỗ trợ huyện Tháp Mười</i>				<i>133.257</i>	<i>125.380</i>	<i>24.500</i>	<i>31.241</i>			
1	- Trường Mầm non Đốc Bình Kiều 2	UBND HTM	2021 - 2023	5350/QĐ-UBND ngày 21/12/2020 của UBND huyện	11.060	11.000	2.500	457			
2	- Trường Tiểu học Phú Điền 1	UBND HTM	2021 - 2023	5349/QĐ-UBND ngày 21/12/2020 của UBND huyện	29.388	29.000	4.000	4.000			
3	- Trường TH - THCS Thanh Mỹ (phần TH)	UBND HTM	2021 - 2023	5348/QĐ-UBND ngày 21/12/2020 của UBND huyện	21.569	19.646	4.000	4.000			
4	- Trường TH Mỹ An A	UBND HTM	2021- 2022	6283/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND huyện	19.681	14.175	4.000	4.940			

STT	Nội dung	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư năm 2022 theo Nghị quyết	Điều chỉnh Kế hoạch vốn đầu tư năm 2022			Ghi chú	
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư			Tổng số	Trong đó:			
					Tổng số	Trong đó: vốn ngân sách Tỉnh			Tổng số			
										Thu hồi các khoản vốn ứng trước		Thanh toán nợ đọng XDCB
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	
5	- Trường TH Mỹ An 1 (điểm chính)	UBND HTM	2021-2022	6286/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND huyện	13.670	13.670	4.000	4.000				
6	Trường MN Thanh Mỹ 2	UBND HTM	2021-2023	6338/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND huyện	9.879	9.879	1.500	5.344				
7	Trường MN Mỹ Quý 2	UBND HTM	2021-2023	6339/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND huyện	8.461	8.461	1.500	3.500				
8	- Trường TH Mỹ Quý 1	UBND HTM	2021-2023	6341/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND huyện	19.549	19.549	3.000	5.000				
f	Hỗ trợ huyện Cao Lãnh				124.721	118.686	19.500	14.938				
1	- Trường MN Gáo Giồng	UBND HCL	2020-2022	845/QĐ-UBND ngày 29/12/2020 của UBND huyện	33.427	33.427	4.000	1.200				
2	- Trường Tiểu học Ba Sao 2	UBND HCL	2020-2022	528/QĐ-UBND ngày 31/8/2020 của UBND huyện	21.912	21.119	4.500	3.938				
3	- Trường Tiểu học Phương Thịnh 1	UBND HCL	2020-2022	846/QĐ-UBND ngày 29/12/2020 của UBND huyện	27.881	22.639	5.000	3.800				
4	- Trường TH Nhị Mỹ 1 (điểm chính)	UBND HCL	2020-2022	758/QĐ-UBND ngày 04/12/2020 và 830/QĐ-UBND ngày 25/12/2020 của UBND huyện	24.985	24.985	4.000	4.000				

STT	Nội dung	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư năm 2022 theo Nghị quyết	Điều chỉnh Kế hoạch vốn đầu tư năm 2022			Ghi chú
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư			Tổng số	Trong đó:		
					Tổng số	Trong đó: vốn ngân sách Tỉnh			Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ đọng XDCB	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
5	- Trường TH Phong Mỹ 4	UBND HCL	2021-2022	847/QĐ-UBND ngày 29/12/2020 và 1119/QĐ-UBND ngày 12/10/2021 của UBND huyện	16.516	16.516	2.000	2.000			
<i>g</i>	<i>Hỗ trợ thành phố Cao Lãnh</i>				<i>89.963</i>	<i>89.963</i>	<i>19.000</i>	<i>12.100</i>			
1	- Trường TH Nguyễn Trung Trực (giai đoạn 2)	UBND TPCL	2021-2022	2122/QĐ-UBND ngày 22/12/2020 của UBND thành phố	14.042	14.042	4.000	3.500			
2	- Trường TH Trần Phú (giai đoạn 2)	UBND TPCL	2021-2022	2123/QĐ-UBND ngày 22/12/2020 của UBND thành phố	10.904	10.904	4.000	3.600			
3	- Trường MN Mỹ Phú 2	UBND TPCL	2021-2022	2127/QĐ-UBND ngày 23/12/2020 của UBND thành phố	14.269	14.269	4.000	3.500			
4	- Trường TH Phan Đăng Lưu (giai đoạn 2)	UBND TPCL	2021-2022	2125/QĐ-UBND ngày 23/12/2020 của UBND thành phố	30.990	30.990	4.000	500			
5	- Trường TH Bùi Thị Xuân (giai đoạn 2)	UBND TPCL	2021-2022	2126/QĐ-UBND ngày 23/12/2020 của UBND thành phố	19.758	19.758	3.000	1.000			
<i>i</i>	<i>Hỗ trợ huyện Lai Vung</i>				<i>174.626</i>	<i>164.272</i>	<i>29.000</i>	<i>34.000</i>			
1	- Trường MN Long Thắng 2	UBND H. Lai Vung	2021-2023	575/QĐ-UBND-XDCB ngày 28/12/2020 của UBND huyện	27.680	26.101	5.000	5.000			

STT	Nội dung	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư năm 2022 theo Nghị quyết	Điều chỉnh Kế hoạch vốn đầu tư năm 2022			Ghi chú
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư			Tổng số	Trong đó:		
					Tổng số	Trong đó: vốn ngân sách Tỉnh			Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ đọng XDCB	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
2	- Trường MN Long Hậu 2	UBND H. Lai Vung	2021-2023	578/QĐ-UBND-XDCB ngày 28/12/2020 của UBND huyện	24.306	22.772	3.000	4.000			
3	- Trường TH Long Hậu 2	UBND H. Lai Vung	2021-2023	576/QĐ-UBND-XDCB ngày 28/12/2020 của UBND huyện	21.440	21.440	3.000	4.000			
4	- Trường TH Long Thắng 2	UBND H. Lai Vung	2021-2022	574/QĐ-UBND-XDCB ngày 28/12/2020 của UBND huyện	28.906	26.576	5.000	5.000			
5	- Trường TH Vĩnh Thới 3	UBND H. Lai Vung	2021-2023	577/QĐ-UBND-XDCB ngày 28/12/2020 của UBND huyện	20.072	15.809	3.000	3.000			
6	- Trường TH Tân Hòa 1	UBND H. Lai Vung	2021-2023	573/QĐ-UBND-XDCB ngày 28/12/2020 của UBND huyện	27.360	26.712	5.000	6.500			
7	- Trường THCS Tân phước	UBND H. Lai Vung	2021-2023	579/QĐ-UBND-XDCB ngày 28/12/2020 của UBND huyện	24.862	24.862	5.000	6.500			
j	Hỗ trợ huyện Châu Thành				24.183	24.183	9.500	7.587			
1	- Trường MG Hòa Tân	UBND HCT	2020-2022	1175/QĐ-UBND ngày 18/12/2020 của UBND huyện	24.183	24.183	9.500	7.587			
(3.3)	Các dự án dự kiến khởi công năm 2022				1.473.540	1.392.521	192.200	246.372			
a	Sở Giáo dục và Đào tạo				140.132	137.682	17.800	29.100			

STT	Nội dung	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư năm 2022 theo Nghị quyết	Điều chỉnh Kế hoạch vốn đầu tư năm 2022			Ghi chú
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư			Tổng số	Trong đó:		
					Tổng số	Trong đó: vốn ngân sách Tỉnh			Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ đọng XDCB	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
1	- Trường THPT Hồng Ngự 3	Ban QLDA ĐTXD CT DD&CN Tỉnh	2022-2024	Số 102/QĐ-UBND.HC ngày 27/01/2022 của UBND Tỉnh	53.282	53.282	5.800	10.000			
2	- Trường THPT Tân Phú Trung	Sở GD&ĐT	2022-2024	1824/QĐ-UBND.HC ngày 30/11/2021 của UBND Tỉnh	18.225	18.200		5.100			
3	- Trường THPT Lai Vung 3	Sở GD&ĐT	2022-2024	1825/QĐ-UBND.HC ngày 01/12/2021 của UBND Tỉnh	23.663	23.600	4.000	7.000			
4	- Trường THCS-THPT Hòa Bình	Sở GD&ĐT	2022-2024	1823/QĐ-UBND.HC ngày 30/11/2021 của UBND Tỉnh	21.701	21.700	4.000	7.000			
5	- Trường THCS-THPT Giồng Thị Đam				23.261	20.900	4.000				
b	Hỗ trợ huyện Tháp Mười				144.922	143.774	10.400	10.400			
1	Trường MN Đốc Binh Kiều 1	UBND HTM	2021-2023	6334/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND huyện	21.282	21.200	1.500	1.500			
2	Trường MN Mỹ Hòa	UBND HTM	2021-2023	6335/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND huyện	31.045	31.000	3.100	3.100			
3	Trường MN Mỹ Quý 1	UBND HTM	2021-2023	6336/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND huyện	23.538	23.500	1.500	1.500			

STT	Nội dung	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư năm 2022 theo Nghị quyết	Điều chỉnh Kế hoạch vốn đầu tư năm 2022			Ghi chú
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư			Tổng số	Trong đó:		
					Tổng số	Trong đó: vốn ngân sách Tỉnh			Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ đọng XDCB	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
4	- Trường TH Tân Kiều 3	UBND HTM	2021-2023	6340/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND huyện	26.676	26.600	1.500	1.500			
5	- Trường THCS TT Mỹ An	UBND HTM	2021-2023	6342/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND huyện	20.841	20.800	1.400	1.400			
6	- Trường THCS Tân Kiều	UBND HTM	2021-2023	6343/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND huyện	21.540	20.674	1.400	1.400			
c	Hỗ trợ thành phố Hồng Ngự				166.179	146.900	16.400	16.400			
1	Trường THCS An Lạc	UBND TPHN	2021-2023	2743/QĐ-UBND ngày 20/12/2021 của UBND thành phố	83.019	75.000	6.500	6.500			
2	Trường MG Phường An Lạc	UBND TPHN	2021-2023	2742/QĐ-UBND ngày 20/12/2021 của UBND thành phố	57.178	46.000	4.900	4.900			
3	Trường TH An Thạnh 1	UBND TPHN	2021-2023	2741/QĐ-UBND ngày 20/12/2021 của UBND thành phố	25.982	25.900	5.000	5.000			
d	Hỗ trợ huyện Thanh Bình				126.735	126.500	16.400	22.873			
1	Trường Tiểu học Tân Mỹ 2 (Điểm chính)	UBND HTB	2021-2023	561/QĐ-UBND.HC ngày 25/11/2021 của UBND huyện	26.408	26.400	4.000	4.000			

STT	Nội dung	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư năm 2022 theo Nghị quyết	Điều chỉnh Kế hoạch vốn đầu tư năm 2022			Ghi chú	
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư			Tổng số	Trong đó:			
					Tổng số	Trong đó: vốn ngân sách Tỉnh			Tổng số			
										Thu hồi các khoản vốn ứng trước		Thanh toán nợ đọng XDCB
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	
2	Trường Mẫu giáo Phú Lợi (Điểm chính)	UBND HTB	2021-2023	562/QĐ-UBND.HC ngày 25/11/2021 của UBND huyện	21.912	21.900	2.400	3.400				
3	Trường THCS Phú Lợi	UBND HTB	2021-2023	563/QĐ-UBND.HC ngày 25/11/2021 của UBND huyện	24.272	24.200	2.400	3.400				
4	Trường Mẫu giáo Tân Mỹ (Điểm chính)	UBND HTB	2021-2023	566/QĐ-UBND.HC ngày 25/11/2021 của UBND huyện	21.875	21.800	2.400	3.400				
5	Trường Tiểu học Bình Tân 2 (Điểm chính)	UBND HTB	2021-2023	564/QĐ-UBND.HC ngày 25/11/2021 của UBND huyện	11.751	11.700	2.400	5.873				
6	Trường Tiểu học Thị trấn 2 (Điểm chính)	UBND HTB	2021-2023	565/QĐ-UBND.HC ngày 25/11/2021 của UBND huyện	20.517	20.500	2.800	2.800				
<i>e</i>	Hỗ trợ huyện Tân Hồng				20.655	19.900	16.400	9.500				
1	- Trường MN Dinh Bà (điểm phụ Cùm dân cư mới)	UBND HTH	2021-2023	372/QĐ-UBND.XDCB ngày 10/11/2021 của UBND huyện	7.327	7.200	6.500	3.100				
2	- Trường MN Tân Thành A (điểm phụ Chiến Thắng)	UBND HTH	2021-2023	374/QĐ-UBND.XDCB ngày 10/11/2021 của UBND huyện	6.101	5.500	4.900	2.000				

STT	Nội dung	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư năm 2022 theo Nghị quyết	Điều chỉnh Kế hoạch vốn đầu tư năm 2022			Ghi chú
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư			Tổng số	Trong đó:		
					Tổng số	Trong đó: vốn ngân sách Tỉnh			Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ đọng XDCB	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
3	- Trường MN 1/6	UBND HTH	2021-2023	373/QĐ-UBND.XDCB ngày 10/11/2021 của UBND huyện	7.227	7.200	5.000	4.400			
g	Hỗ trợ huyện Cao Lãnh				199.638	198.800	16.400	20.962			
1	Trường THCS Phương Trà	UBND HCL	2021-2023	Số 1861/QĐ-UBND ngày 30/11/2021 của UBND Huyện	33.812	33.800	4.000	10.746			
2	Trường Tiểu học Gáo Giồng	UBND HCL	2021-2023	Số 1859/QĐ-UBND ngày 30/11/2021 của UBND Huyện	23.486	23.000	2.400	5.000			
3	Trường Mầm non Bình Thạnh B	UBND HCL	2022-2023	Số 1853/QĐ-UBND ngày 30/11/2021 của UBND Huyện	44.904	44.900	2.400	922			
4	Trường Tiểu học Bình Thạnh 3	UBND HCL	2022-2023	Số 1855/QĐ-UBND ngày 30/11/2021 của UBND Huyện	40.302	40.000	2.400	963			
5	Trường Tiểu học Bình Thạnh 2	UBND HCL	2022-2023	Số 1857/QĐ-UBND ngày 30/11/2021 của UBND Huyện	22.523	22.500	2.400	731			
6	Trường Tiểu học Tân Hội Trung 1	UBND HCL	2022-2023	Số 1859/QĐ-UBND ngày 30/11/2021 của UBND Huyện	34.611	34.600	2.800	2.600			
h	Hỗ trợ huyện Châu Thành				80.715	77.300	16.400	24.771	-		
1	Trường Tiểu học Phú Long (Điểm Phú Hòa)	UBND HCT	2021-2023	số 1153/QĐ-UBND ngày 11/9/2021 của UBND huyện	5.231	5.200	2.900	2.900			

STT	Nội dung	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư năm 2022 theo Nghị quyết	Điều chỉnh Kế hoạch vốn đầu tư năm 2022			Ghi chú
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư			Tổng số	Trong đó:		
					Tổng số	Trong đó: vốn ngân sách Tỉnh			Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ đọng XDCB	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
2	- Trường mẫu giáo An Nhơn (Điểm Chính)	UBND HCT	2021-2023	Số 1986/QĐ-UBND ngày 28/12/2021 của UBND huyện	11.839	11.800	4.500	6.500			
3	- Trường Tiểu học Cái Tàu Hạ 2	UBND HCT	2021-2023	Số 1985/QĐ-UBND ngày 28/12/2021 của UBND huyện	13.326	13.300	2.900	4.000			
4	- Trường mẫu giáo Tân Phú (Điểm chính)	UBND HCT	2021-2023	Số 1987/QĐ-UBND ngày 28/12/2021 của UBND huyện	15.990	15.900	2.900	5.000			
5	- Trường Tiểu học Hòa Tân 1	UBND HCT	2021-2023	Số 1984/QĐ-UBND ngày 28/12/2021 của UBND huyện	34.329	31.100	3.200	6.371			
<i>i</i>	Hỗ trợ huyện Hồng Ngự				119.139	118.500	16.400	22.965			
1	Trường MG Thường Thới Tiền	UBND HHN	2020-2023	13213/QĐ-UBND ngày 25/11/2021 của UBND huyện	7.436	7.400	2.900	3.500			
2	Trường TH Phú Thuận B3	UBND HHN	2020-2023	13350/QĐ-UBND ngày 29/11/2021 của UBND huyện	10.316	10.000	2.900	4.500			
3	Trường TH Thường Thới Hậu A	UBND HHN	2020-2023	13351/QĐ-UBND ngày 29/11/2021 của UBND huyện	37.129	37.000	2.900	6.076			
4	Trường THCS Long Thuận	UBND HHN	2021-2024	13352/QĐ-UBND ngày 29/11/2021 của UBND huyện	44.992	44.900	4.500	5.689			
5	Trường THCS Long Khánh A	UBND HHN	2020-2023	13214/QĐ-UBND ngày 25/11/2021 của UBND huyện	19.266	19.200	3.200	3.200			
<i>k</i>	Hỗ trợ huyện Tam Nông				152.543	126.456	16.400	14.801			

STT	Nội dung	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư năm 2022 theo Nghị quyết	Điều chỉnh Kế hoạch vốn đầu tư năm 2022			Ghi chú
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư			Tổng số	Trong đó:		
					Tổng số	Trong đó: vốn ngân sách Tỉnh			Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ đọng XDCB	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
1	Trường Mầm non Trầm Chim	UBND HTN	2021-2023	2035/QĐ-UBND-HC ngày 01/11/2021 của UBND huyện	52.305	50.656	4.000	5.000			
2	Trường Tiểu học Phú Cường B (điểm chính)	UBND HTN	2021-2023	2032/QĐ-UBND-HC ngày 01/11/2021 của UBND huyện	13.308	10.997	2.400	3.201			
3	Trường Tiểu học -THCS Phú Thành B	UBND HTN	2021-2023	2289/QĐ-UBND-HC ngày 30/11/2021 của UBND huyện	13.206	8.990	2.400	2.400			
4	Trường Trung học cơ sở Phú Hiệp	UBND HTN	2021-2023	2295/QĐ-UBND-HC ngày 02/12/2021 của UBND huyện	21.594	17.778	2.400	2.400			
5	Trường Tiểu học Phú Hiệp B (Điểm Chính)	UBND HTN	2021-2023	2389/QĐ-UBND-HC ngày 1712/2021 của UBND huyện	23.186	16.649	2.400	950			
6	Trường Mầm non Hoa Sen	UBND HTN	2022-2024	2296/QĐ-UBND-HC ngày 02/12/2021 của UBND huyện	28.944	21.386	2.800	850			
1	Hỗ trợ thành phố Cao Lãnh				94.625	80.800	16.400	22.700			
1	Trường mầm non Hương Sen	UBND TPCL	2022-2023	2106/QĐ-UBND ngày 18/10/2021 của UBND thành phố	14.943	14.900	3.700	3.700			
2	Trường TH Mỹ Ngãi (giai đoạn 2)	UBND TPCL	2022-2023	2519/QĐ-UBND ngày 29/11/2021 của UBND thành phố	14.991	14.000	3.700	6.200			

STT	Nội dung	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư năm 2022 theo Nghị quyết	Điều chỉnh Kế hoạch vốn đầu tư năm 2022			Ghi chú
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư			Tổng số	Trong đó:		
					Tổng số	Trong đó: vốn ngân sách Tỉnh			Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ đọng XDCB	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
3	Trường TH Tịnh Thới (giai đoạn 2)	UBND TPCL	2022-2023	2520/QĐ-UBND ngày 29/11/2021 của UBND thành phố	12.625	12.000		4.000			
4	Trường TH Lê Quý Đôn (giai đoạn 2)	UBND TPCL	2022-2023		14.900	14.900	3.700				
5	Trường THCS Thống Linh (giai đoạn 2)	UBND TPCL	2022-2023	2371/QĐ-UBND ngày 18/11/2021 của UBND thành phố	37.166	25.000	5.300	8.800			
J	Hỗ trợ huyện Lai Vung				90.892	78.609	16.400	15.900			
1	- Trường Tiểu học Tân Thành 3	UBND H. L Vung	2022-2023	Số 45/QĐ-UBND-XDCB ngày 25/01/2022 của UBND huyện	25.926	23.075	5.300	4.000			
2	- Trường Tiểu học Phong Hòa 2 (điểm chính)	UBND H. L Vung	2022-2024	Số 43/QĐ-UBND-XDCB ngày 25/01/2022 của UBND huyện	10.700	10.700	3.700	2.400			
3	- Trường Tiểu học Phong Hòa 2 (điểm Tân Quới)	UBND H. L Vung	2022-2024	Số 42/QĐ-UBND-XDCB ngày 25/01/2022 của UBND huyện	12.375	10.140	3.700	2.500			

STT	Nội dung	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư năm 2022 theo Nghị quyết	Điều chỉnh Kế hoạch vốn đầu tư năm 2022			Ghi chú	
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư			Tổng số	Trong đó:			
					Tổng số	Trong đó: vốn ngân sách Tỉnh			Tổng số			
										Thu hồi các khoản vốn ứng trước		Thanh toán nợ đọng XDCB
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	
4	- Trường THCS Long Hậu	UBND H. L Vung	2022-2024	Số 44/QĐ-UBND-XDCB ngày 25/01/2022 của UBND huyện	41.891	34.694	3.700	7.000				
k	Hỗ trợ huyện Lấp Vò				137.365	137.300	16.400	36.000				
1	- Trường TH Tân Khánh Trung 3	UBND HL Vò	2021-2023	Số 176/QĐ-UBND.HC ngày 25/01/2022 của UBND huyện	23.502	23.500	4.500	8.000				
2	- Trường TH Mỹ An Hưng A	UBND HL Vò	2021-2023	Số 1736/QĐ-UBND.HC ngày 17/12/2021 của UBND huyện	21.309	21.300	2.900	8.000				
3	- Trường TH Định An	UBND HL Vò	2021-2023	Số 175/QĐ-UBND.HC ngày 25/01/2022 của UBND huyện	26.327	26.300	2.900	10.000				
4	- Trường THCS Định An	UBND HL Vò	2021-2023	Số 142/QĐ-UBND.HC ngày 17/01/2022 của UBND huyện	38.227	38.200	3.200	10.000				
5	Trường Mầm non thị trấn Lấp Vò	UBND HL Vò	2021-2023		28.000	28.000	2.900					

STT	Nội dung	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư năm 2022 theo Nghị quyết	Điều chỉnh Kế hoạch vốn đầu tư năm 2022			Ghi chú
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư			Tổng số	Trong đó:		
					Tổng số	Trong đó: vốn ngân sách Tỉnh			Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ đọng XDCB	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
(4)	Hỗ trợ mục tiêu cho cấp huyện xây dựng Trung tâm Văn hoá-Học tập cộng đồng cấp xã		2021-2025	316/KH-UBND ngày 29/10/2021 của UBND Tỉnh	44.527	18.000	6.000	17.000			
(4.1)	Các dự án dự kiến khởi công mới năm 2022				44.527	18.000	6.000	17.000			
1	* Hỗ trợ có mục tiêu cho huyện Thanh Bình				12.517	6.000	6.000	6.000			
	- Trung tâm Văn hóa - HTCD xã Phú Lợi	UBND HTB	2020-2022	378/QĐ-UBND-HC ngày 29/12/2020 của UBND huyện	5.235	3.000	3.000	3.000			
	- Trung tâm Văn hóa - HTCD xã Tân Mỹ	UBND HTB	2021-2022	534/QĐ-UBND-HC ngày 11/11/2021 của UBND huyện	7.282	3.000	3.000	3.000			
2	* Hỗ trợ có mục tiêu cho huyện Lai Vung				7.924	3.000	-	2.000			
	- Trung tâm Văn hóa - HTCD xã Phong Hòa	UBND HLVung	2021-2023	334/QĐ-UBND-XDCB ngày 03/11/2021 của UBND huyện	7.924	3.000		2.000			
3	* Hỗ trợ có mục tiêu cho huyện Hồng Ngự				24.086	9.000	-	9.000			
	- Trung tâm Văn hóa - HTCD xã Thường Thới Hậu A	UBND H.HN	2021-2022	6152/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND Huyện	9.209	3.000		3.000			

STT	Nội dung	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư năm 2022 theo Nghị quyết	Điều chỉnh Kế hoạch vốn đầu tư năm 2022			Ghi chú
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư			Tổng số	Trong đó:		
					Tổng số	Trong đó: vốn ngân sách Tỉnh			Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ đọng XDCB	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	- Trung tâm Văn hóa - HTCĐ xã Long Khánh A	UBND H.HN	2021-2023	13354/QĐ-UBND ngày 29/11/2021 của UBND Huyện	7.745	3.000		3.000			
	- Trung tâm Văn hóa - HTCĐ xã Long Khánh B	UBND H.HN	2021-2023	13355/QĐ-UBND ngày 29/11/2021 của UBND Huyện	7.132	3.000		3.000			
(5)	Các dự án khởi công mới năm 2022				113.575	96.615	20.900	16.600			
a	Dự án nhóm C				49.708	32.748	10.900	10.900			
	* Hỗ trợ thành phố Sa Đéc thuộc Chương trình kiên cố hóa trường, lớp học tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2016-2020				49.708	32.748	10.900	10.900			
	- Trường TH Phú Long	UBND TPSĐ	2021-2023	Số 255/QĐ-UBND-XDCB ngày 30/12/2021 của UBND thành phố	49.708	32.748	10.900	10.900			
b	Dự án nhóm B				63.867	63.867	10.000	5.700	-	-	
	- Dự án Mua sắm trang, thiết bị dạy học ngoại ngữ	Sở GDĐT	2022-2025	Số 34/QĐ-UBND.HC ngày 11/01/2022 của UBND Tỉnh	63.867	63.867	10.000	5.700			
II	Y tế, dân số và gia đình				270.488	270.489	49.200	19.630			
(1)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2022				9.033	9.033	4.200	4.430			
a	Dự án nhóm C				9.033	9.033	4.200	4.430			

STT	Nội dung	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư năm 2022 theo Nghị quyết	Điều chỉnh Kế hoạch vốn đầu tư năm 2022			Ghi chú
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư			Tổng số	Trong đó:		
					Tổng số	Trong đó: vốn ngân sách Tỉnh			Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ đọng XDCB	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
1	- Trạm kiểm dịch Y tế Thường Phước	Ban QLDA ĐTXDCT DD&CN Tỉnh	2021-2022	367/QĐ-UBND.HC ngày 29/3/2021 của UBND Tỉnh	4.462	4.462	2.200	2.200			
2	- Trạm kiểm dịch Y tế Dinh Bà	Ban QLDA ĐTXDCT DD&CN Tỉnh	2021-2022	336/QĐ-UBND-HC ngày 22/3/2021 của UBND Tỉnh	4.571	4.571	2.000	2.230			
(2)	Các dự án dự kiến khởi công mới năm 2022				261.455	261.456	45.000	15.200			
a	Dự án nhóm B				261.455	261.456	45.000	15.200			
1	- Nâng cấp, mở rộng hệ thống cơ sở vật chất và trang thiết bị Bệnh viện đa khoa khu vực Hồng Ngự	Ban QLDA ĐTXDCT DD&CN Tỉnh	2022-2024	Số 98/QĐ-UBND.HC ngày 27/01/2022 của UBND Tỉnh	58.691	58.691	10.000	12.300			
2	- Nâng cấp Mở rộng Bệnh viện Phổi	Ban QLDA ĐTXDCT DD&CN Tỉnh	2022-2025	Số 672/QĐ-UBND-HC ngày 27/6/2022 của UBND Tỉnh	138.692	138.692	15.000	2.900			
3	- Trang bị bổ sung mới thiết bị chuyên môn cho 08 Trung tâm y tế có giường bệnh của tỉnh Đồng Tháp	Sở Y tế	2021-2023	77/NQ-HĐND ngày 17/8/2021 của HĐND Tỉnh (CTĐT)	64.072	64.073	20.000				

STT	Nội dung	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư năm 2022 theo Nghị quyết	Điều chỉnh Kế hoạch vốn đầu tư năm 2022			Ghi chú
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư			Tổng số	Trong đó:		
					Tổng số	Trong đó: vốn ngân sách Tỉnh			Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ đọng XDCB	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
III	Giao thông				6.820.476	3.318.142	583.670	579.212	76.684		
(1)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2022				631.142	631.142	189.000	135.027			
a	Dự án nhóm B				443.255	443.255	145.000	91.167			
1	- Nâng cấp đường ĐT841 và xây dựng mới cầu Sờ Thượng 2	Ban QLDA ĐXDCT Giao thông; UBND HHN; UBND TPHN	2019-2022	1673/QĐ-UBND.HC ngày 30/12/2019 của UBND Tỉnh	328.156	328.156	89.000	56.287			
2	- Mở rộng đường ĐT 849 đoạn từ ĐT 848 đến Quốc lộ 80	Ban QLDA ĐXDCT Giao thông; UBND HLVo	2021 - 2023	Số 1841/QĐ-UBND-HC ngày 04/12/2020 của UBND Tỉnh	115.099	115.099	56.000	34.880			
b	Dự án nhóm C				187.887	187.887	44.000	43.860			
1	- Nâng cấp đường ĐT848 đoạn từ nút giao ĐT849 đến cầu Cái Tàu Thượng	Ban QLDA ĐXDCT Giao thông; TTPTQD-Sở TNMT	2019-2022	1676/QĐ-UBND.HC ngày 30/12/2019; 1627/QĐ-UBND-HC ngày 27/10/2021 của UBND Tỉnh	78.896	78.896	26.000	21.000			

STT	Nội dung	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư năm 2022 theo Nghị quyết	Điều chỉnh Kế hoạch vốn đầu tư năm 2022			Ghi chú
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư			Tổng số	Trong đó:		
					Tổng số	Trong đó: vốn ngân sách Tỉnh			Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ đọng XDCB	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
2	- Mở rộng đường ĐT846 đoạn Mỹ An - Bằng Lăng	Ban QLDA ĐXDCT Giao thông; UBND HTM	2020 - 2022	1674/QĐ-UBND-HC ngày 30/12/2019; 1748/QĐ-UBND-HC ngày 18/11/2021 của UBND Tỉnh	78.848	78.848	2.000	14.000			
3	- Xây dựng cầu Tân Thành B tuyến ĐT843	Ban QLDA ĐXDCT Giao thông; UBND HTH	2021 - 2022	1892/QĐ-UBND-HC ngày 16/12/2020 và 1855a/QĐ-UBND-HC ngày 07/12/2021 của UBND Tỉnh	30.143	30.143	16.000	8.860			
(2)	Các dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2022				2.245.167	810.000	108.000	210.467	76.684		
a	Dự án nhóm A				2.180.000	780.000	100.000	196.467	76.684		
1	- Xây dựng tuyến ĐT.857 (đoạn QL30- ĐT.845)	Sở GTVT; TTPTQD-Sở TNMT	2021- 2025	969/QĐ-UBND-HC ngày 19/07/2021; 1338/QĐ-UBND-HC ngày 07/09/2021 của UBND Tỉnh	2.180.000	780.000	100.000	196.467	76.684		
b	Dự án nhóm B				65.167	30.000	8.000	14.000			
1	- Đường T3. Hạ tầng thủy sản (đoạn từ tỉnh lộ ĐT848 đến sông Tiền) (hỗ trợ có mục tiêu)	UBND TPSTĐ	2021- 2023	Số 412/QĐ-UBND-XDCB ngày 30/12/2020 của UBND TPSTĐ	65.167	30.000	8.000	14.000			

STT	Nội dung	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư năm 2022 theo Nghị quyết	Điều chỉnh Kế hoạch vốn đầu tư năm 2022			Ghi chú	
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư			Tổng số	Trong đó:			
					Tổng số	Trong đó: vốn ngân sách Tỉnh			Tổng số			
										Thu hồi các khoản vốn ứng trước		Thanh toán nợ đọng XDCB
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	
(3)	Hỗ trợ mục tiêu cho cấp huyện (đầu tư hạ tầng giao thông nông thôn góp phần hoàn thành tiêu chí nông thôn mới)	UBND các huyện	2021-2025	443/UBND-ĐT XD ngày 25/12/2020 của UBND Tỉnh	1.008.167	675.000	201.670	233.718				
	Trong đó:											
(3.1)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2022				87.297	76.200	13.500	3.700				
1	* Hỗ trợ huyện Cao Lãnh				87.297	76.200	13.500	3.700				
	- Hệ thống cầu đường bờ Đông kênh Cái Bèo	UBND HCL	2021-2022	848/QĐ-UBND ngày 29/12/2020 của UBND Huyện	7.776	7.700	2.700	2.700				
	- Hệ thống cầu đường Bờ bắc kênh Nguyễn Văn Tiếp	UBND HCL	2021-2023	849/QĐ-UBND ngày 29/12/2020 của UBND Huyện	20.690	17.000	7.000	1.000				
	- Đường bờ Bắc kênh Nguyễn Văn Tiếp	UBND HCL	2020-2022	516/QĐ-UBND ngày 26/8/2020 của UBND huyện	58.831	51.500	3.800	-				
(3.2)	Các dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2022				654.070	422.420	140.170	185.602				
1	* Hỗ trợ huyện Lấp Vò				134.930	90.000	33.000	46.000				
	- Đường ĐH.64	UBND huyện Lấp Vò	2021-2023	724/QĐ-UBND.HC ngày 24/3/2021 của UBND Huyện	48.614	10.000	3.000	3.000				
	- Đường ĐH.67B	UBND huyện Lấp Vò	2021-2022	725/QĐ-UBND.HC ngày 24/3/2021 của UBND Huyện	10.248	10.000	5.000	5.000				

STT	Nội dung	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư năm 2022 theo Nghị quyết	Điều chỉnh Kế hoạch vốn đầu tư năm 2022			Ghi chú	
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư			Tổng số	Trong đó:			
					Tổng số	Trong đó: vốn ngân sách Tỉnh			Tổng số			
										Thu hồi các khoản vốn ứng trước		Thanh toán nợ đọng XDCB
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	
	- Đường ĐH.65	UBND huyện Lập Vò	2021-2023	723/QĐ-UBND.HC ngày 24/3/2021 của UBND Huyện	76.068	70.000	25.000	38.000				
2	* Hỗ trợ huyện Lai Vung				163.830	90.000	27.000	40.000				
	- Đường huyện lộ Phan Văn Bảy	UBND huyện Lai Vung	2021-2024	76/QĐ-UBND-XDCB ngày 26/3/2021 của UBND Huyện	82.715	44.000	12.000	20.000				
	- Đường huyện lộ số 5	UBND huyện Lai Vung	2021-2024	77/QĐ-UBND-XDCB ngày 26/3/2021 của UBND Huyện	81.115	46.000	15.000	20.000				
3	* Hỗ trợ huyện Thanh Bình				29.909	26.420	7.670	2.970				
	- Đường Kháng Chiến, bờ nam	UBND HTB	2021-2022	375/QĐ-UBND ngày 29/12/2020 của UBND Huyện	14.958	13.670	2.520	2.520				
	- Đường Tân Thạnh - Phú Lợi	UBND HTB	2021-2022	374/QĐ-UBND ngày 29/12/2020 của UBND Huyện	14.951	12.750	5.150	450				
4	* Hỗ trợ huyện Tam Nông				42.825	31.000	11.000	9.272				
	- Cầu qua kênh Mười Tái	UBND HTN	2021-2022	514/QĐ-UBND-HC ngày 22/3/2021 của UBND Huyện	7.043	7.000	3.000	1.727				
	- Đường bờ Tây kênh Phú Đức	UBND HTN	2021-2022	1923/QĐ-UBND-HC ngày 28/12/2020	24.700	14.000	4.000	4.000				

STT	Nội dung	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư năm 2022 theo Nghị quyết	Điều chỉnh Kế hoạch vốn đầu tư năm 2022			Ghi chú
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư			Tổng số	Trong đó:		
					Tổng số	Trong đó: vốn ngân sách Tỉnh			Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ đọng XDCB	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	- Cầu qua kênh An Bình	UBND HTN	2021-2022	1894/QĐ-UBND-HC ngày 24/12/2020; 1921/QĐ-UBND-HC ngày 28/12/2020	11.082	10.000	4.000	3.545			
5	* Hỗ trợ huyện Hồng Ngự				56.626	50.000	17.900	33.460			
	- ĐH Phú Thuận A	UBND HHN	2021-2022	5982/QĐ-UBND ngày 29/12/2020 của UBND Huyện	56.626	50.000	17.900	33.460			
6	* Hỗ trợ huyện Tân Hồng				174.497	110.000	33.600	43.900			
	- Đường Tân Thành (Long Sơn Ngọc - Biên Giới)	UBND HTH	2021-2023	286/QĐ-UBND.ĐTXD ngày 28/12/2020 của UBND Huyện	40.543	28.000	11.900	7.200			
	- ĐH Tân Thành Đông đoạn từ cầu Chòi Mồi đến cầu Bàu Lức	UBND HTH	2021-2022	287/QĐ-UBND.ĐTXD ngày 28/12/2020 của UBND Huyện	14.959	15.000	3.000	2.200			
	- Đường Thống Nhất (đoạn từ kênh Hồng Ngự Vĩnh Hưng đến Quốc lộ 30)	UBND HTH	2021-2023	323/QĐ-UBND.ĐTXD ngày 28/12/2020 của UBND Huyện	33.155	23.000	7.600	14.500			
	- ĐH Bắc Trang	UBND HTH	2021-2023	321/QĐ-UBND.ĐTXD ngày 28/12/2020 của UBND Huyện	36.542	28.000	7.600	16.000			

STT	Nội dung	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư năm 2022 theo Nghị quyết	Điều chỉnh Kế hoạch vốn đầu tư năm 2022			Ghi chú	
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư			Tổng số	Trong đó:			
					Tổng số	Trong đó: vốn ngân sách Tỉnh			Tổng số			
										Thu hồi các khoản vốn ứng trước		Thanh toán nợ đọng XDCB
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	
	- ĐH Tứ Tân đoạn ĐH Tân Thành B - Tân Phước đến ĐH Tân Thành Tây	UBND HTH	2021-2022	322/QĐ-UBND.ĐTXD ngày 28/12/2020 của UBND Huyện	14.980	12.000	2.500	3.000				
	- ĐH Việc Thước	UBND HTH	2021-2022	324/QĐ-UBND.ĐTXD ngày 28/12/2020 của UBND Huyện	34.318	4.000	1.000	1.000				
7	* Hỗ trợ huyện Tháp Mười				51.453	25.000	10.000	10.000				
	- Cầu kênh Nguyễn Văn Tiếp A (chợ Mỹ Quý)	UBND HTM	2021 - 2023	6059/QĐ-UBND ngày 29/12/2020 của UBND Huyện	51.453	25.000	10.000	10.000				
(3.3)	Các dự án dự kiến khởi công mới năm 2022				314.236	171.580	48.000	44.416				
1	* Hỗ trợ huyện Tam Nông				54.363	37.000	7.000	7.200				
	Đường bờ Nam kênh Tân Công Sính 1	UBND HTN	2021-2023	2148/QĐ-UBND-HC ngày 10/11/2021 của UBND huyện	36.769	29.000		7.200				
	- Cầu Phú Nông	UBND HTN	2022-2023	1814/QĐ-UBND-HC ngày 18/12/2020 của UBND huyện (CTĐT)	10.546	4.000	4.000					

STT	Nội dung	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư năm 2022 theo Nghị quyết	Điều chỉnh Kế hoạch vốn đầu tư năm 2022			Ghi chú
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư			Tổng số	Trong đó:		
					Tổng số	Trong đó: vốn ngân sách Tỉnh			Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ đọng XDCB	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	- Cầu ranh Tam Nông - Tháp Mười	UBND HTN	2022-2023	1815/QĐ-UBND-HC ngày 18/12/2020 của UBND huyện (CTĐT)	7.048	4.000	3.000				
2	* Hỗ trợ huyện Hồng Ngự				129.711	60.000	20.000	10.000			
	- ĐH. Long Thuận	UBND HHN	2021-2024	13357/QĐ-UBND ngày 29/11/2021 của UBND huyện	32.948	30.000	10.000	10.000			
	- ĐH. Long Khánh A-B	UBND HHN	2022-2024		39.526	10.000	5.000				
	- ĐH. Long Phú Thuận A-B	UBND HHN	2021-2024		57.237	20.000	5.000				
3	* Hỗ trợ huyện Châu Thành				13.412	11.000	11.000	11.000			
	- Đường Mù U - Rau Cần	UBND HCT	2021-2023	1748/QĐ-UBND ngày 30/11/2021 của huyện	13.412	11.000	11.000	11.000			
4	* Hỗ trợ huyện Thanh Bình				116.750	63.580	10.000	16.216			
	- Đường kênh 2/9	UBND HTB	2022-2024	570/QĐ-UBND.HC ngày 25/11/2021	116.750	63.580	10.000	16.216			
(4)	Các dự án dự kiến khởi công mới năm 2022				2.936.000	1.202.000	85.000				
a	Dự án nhóm A				2.936.000	1.202.000	85.000				

STT	Nội dung	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư năm 2022 theo Nghị quyết	Điều chỉnh Kế hoạch vốn đầu tư năm 2022			Ghi chú
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư			Tổng số	Trong đó:		
					Tổng số	Trong đó: vốn ngân sách Tỉnh			Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ đọng XDCB	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
1	Hạ tầng giao thông khu vực Nam sông Tiền, tỉnh Đồng Tháp	Sở GTVT	2021-2025		2.936.000	1.202.000	85.000				
IV	Công trình công cộng tại các đô thị, hạ tầng kỹ thuật khu đô thị mới				4.079.514	1.700.000	119.000	95.000			
(1)	Phát triển đô thị trên địa bàn tỉnh (hỗ trợ mục tiêu cho cấp huyện)		2021-2025	342/UBND-ĐTXD ngày 29/10/2020; 410/UBND-ĐTXD ngày 09/12/2020; 192/UBND-ĐTXD ngày 07/6/2021; 278/UBND-ĐTXD ngày 14/7/2021 của UBND Tỉnh	4.079.514	1.700.000	119.000	95.000	-	-	
	trong đó:										
(1.1)	Thành phố Cao Lãnh				851.457	250.000	90.000	69.000			
a	Các dự án dự kiến khởi công năm 2022				851.457	250.000	90.000	69.000			
	- Đường Nguyễn Thị Lựu (đoạn KDC Phường 4 Hòa An - sông Hồ Cừ)	UBND TPCL	2021-2024	2522/QĐ-UBND ngày 30/11/2021 của UBND TPCL	314.525	128.000	35.000	45.000			
	- Đường Vành Đai Tây (đoạn đường ĐT846 - KDC Phường 4 Hòa An)	UBND TPCL	2021-2024	2523/QĐ-UBND ngày 30/11/2021 của UBND TPCL	273.759	100.000	35.000	2.000			

STT	Nội dung	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư năm 2022 theo Nghị quyết	Điều chỉnh Kế hoạch vốn đầu tư năm 2022			Ghi chú
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư			Tổng số	Trong đó:		
					Tổng số	Trong đó: vốn ngân sách Tỉnh			Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ đọng XDCB	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	- Đường Nguyễn Văn Tre (đoạn đường Nguyễn Thái Học - đường Thiên Hộ Dương)	UBND TPCL	2021-2024	2498/QĐ-UBND ngày 26/11/2021 của UBND TPCL	263.173	22.000	20.000	22.000			
(1.2)	Thành phố Sa Đéc				152.094	90.000	25.000	26.000			
a	Các dự án dự kiến khởi công năm 2022				152.094	90.000	25.000	26.000			
	- Đường N7 (đoạn từ đường Hoa Sa Đéc đến đường ĐT 848)	UBND TPŞĐ	2021-2023	183/QĐ-UBND-XDCB ngày 01/9/2021 của UBND TPŞĐ	152.094	90.000	25.000	26.000			
(1.3)	Thành phố Hồng Ngự				62.375	23.000	4.000	-			
a	Các dự án dự kiến khởi công năm 2022				62.375	23.000	4.000	-			
	- Cầu Trần Hưng Đạo (bắc qua Mương Nhà Máy)	UBND TPHN	2021-2023		62.375	23.000	4.000				
V	Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản				517.667	208.436	66.678	47.088			
(1)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2022				494.686	194.636	66.678	44.088			
a	Dự án nhóm B				415.069	165.019	51.678	44.088			

STT	Nội dung	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư năm 2022 theo Nghị quyết	Điều chỉnh Kế hoạch vốn đầu tư năm 2022			Ghi chú
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư			Tổng số	Trong đó:		
					Tổng số	Trong đó: vốn ngân sách Tỉnh			Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ đọng XDCB	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
1	- Dự án Chuyển đổi nông nghiệp bền vững (Vnsat) tỉnh Đồng Tháp	Sở NN&PTNT	2016-2022	2988/QĐ-BNN-HTQT ngày 06/8/2020 của Bộ NN&PTNT; 1397/QĐ-UBND ngày 21/12/2015; 503/QĐ-UBND.HC ngày 04/5/2021 của UBND Tỉnh	333.556	118.506	28.378	28.378			
2	- Xử lý sạt lở cấp bách bờ sông Tiền khu vực xã Bình Hàng Trung, huyện Cao Lãnh	Ban QLDA ĐTXDCT Nông nghiệp và PTNT	2020 - 2022	298/QĐ-UBND ngày 19/3/2020; 1520/QĐ-UBND-HC ngày 06/10/2021 của UBND Tỉnh	81.513	46.513	23.300	15.710			
b	Dự án nhóm C				79.617	29.617	15.000	-			
1	- Dự án Bố trí ổn định dân cư Đình Bà, xã Tân Hộ Cơ, huyện Tân Hồng	UBND HTH	2020 - 2022	761/QĐ-UBND.HC ngày 27/5/2020; 940/QĐ-UBND.HC ngày 14/7/2021 của UBND Tỉnh	79.617	29.617	15.000				
(2)	Các dự án khởi công mới năm 2022				22.981	13.800	-	3.000			
a	Dự án nhóm C				22.981	13.800	-	3.000			
	Nâng cấp mở rộng hệ thống cấp nước sạch nông thôn khu vực Giồng Găng, xã Tân Phước - Cà Vàng, xã Thông Bình, HTH	Sở NN&PTNT	2021-2023	1951/QĐ-UBND.HC ngày 24/12/2021 của UBND Tỉnh	22.981	13.800		3.000			

STT	Nội dung	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư năm 2022 theo Nghị quyết	Điều chỉnh Kế hoạch vốn đầu tư năm 2022			Ghi chú
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư			Tổng số	Trong đó:		
					Tổng số	Trong đó: vốn ngân sách Tỉnh			Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ đọng XDCB	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
VI	Xã hội				23.228	23.000	10.000	10.000			
(1)	Các dự án dự kiến khởi công mới năm 2022				23.228	23.000	10.000	10.000			
a	Dự án nhóm C				23.228	23.000	10.000	10.000			
1	- Đền thờ liệt sĩ huyện Hồng Ngự	UBND HHN	2021-2023	11868/QĐ-UBND ngày 28/10/2021 của UBND huyện	23.228	23.000	10.000	10.000			
VII	Thể dục, thể thao				129.340	68.191	50.000	40.512			
(1)	Các dự án khởi công mới năm 2022				129.340	68.191	50.000	40.512			
a	Dự án nhóm C				129.340	68.191	50.000	40.512			
1	Hỗ trợ cấp huyện đầu tư Khu liên hợp TDTT 6 huyện và Tổ hợp thể thao 27 xã (hỗ trợ có mục tiêu)	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch làm đầu mối	2021-2025	316/KH-UBND ngày 29/10/2021 của UBND tỉnh	129.340	68.191	50.000	40.512			
	Trong đó:										
1.1	- Khu liên hợp TDTT huyện				32.664	20.200	15.300	8.320			

STT	Nội dung	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư năm 2022 theo Nghị quyết	Điều chỉnh Kế hoạch vốn đầu tư năm 2022			Ghi chú
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư			Tổng số	Trong đó:		
					Tổng số	Trong đó: vốn ngân sách Tỉnh			Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ đọng XDCB	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
a	Khu liên hợp TDTT huyện Hồng Ngự (DK. NS tỉnh hỗ trợ TC 5 tỷ đồng, trong đó: NC sân bóng đá 11 người khoảng 4 tỷ đồng, XM 02 sân bóng chuyền 0,7 tỷ đồng và XM 02 sân bi sắt 0,3 tỷ đồng)	UBND HHN	2021-2022	13356/QĐ-UBND ngày 29/11/2021 của UBND huyện	3.149	3.100	3.500	2.720			
b	Khu liên hợp TDTT huyện Thanh Bình (DK NS tỉnh hỗ trợ 5 tỷ đồng)	UBND HTB	2021-2023	Số 25/QĐ-UBND.HC ngày 27/01/2022 của UBND huyện	14.190	5.000	3.000	400			
c	Khu liên hợp TDTT huyện Lai Vung (DK. NS tỉnh hỗ trợ TC 5 tỷ đồng, trong đó: NC sân bóng đá 11 người khoảng 3 tỷ đồng, XM 02 sân bóng chuyền 0,7 tỷ đồng, XM 02 sân bi sắt 0,3 tỷ đồng và phần còn lại NC nhà thi đấu huyện)	UBND H. L Vung	2021-2023	337/QĐ-UBND-XDCB ngày 03/11/2021 của UBND huyện	4.100	4.100	3.000	1.400			
d	Khu liên hợp TDTT huyện Lấp Vò (DK NS tỉnh hỗ trợ 4 tỷ đồng)	UBND H. L Vò	2022-2024		5.120	4.000	2.000				
e	Khu liên hợp thể dục thể thao huyện Tháp Mười (DK NS tỉnh hỗ trợ 4 tỷ đồng)	UBND HTM	2022	10553/QĐ-UBND ngày 12/11/2021 của UBND huyện	6.105	4.000	3.800	3.800			

STT	Nội dung	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư năm 2022 theo Nghị quyết	Điều chỉnh Kế hoạch vốn đầu tư năm 2022			Ghi chú
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư			Tổng số	Trong đó:		
					Tổng số	Trong đó: vốn ngân sách Tỉnh			Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ đọng XDCB	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
1.2	- Tổ hợp thể thao xã				96.676	47.991	34.700	32.192			
a	+ H. Hồng Ngự				5.747	5.200	3.200	4.520			
	Tổ hợp thể thao xã Long Thuận (DK NS tỉnh hỗ trợ 2,6 tỷ đồng, trong đó XM 02 sân bóng chuyền 0,6 tỷ đồng và NC sân bóng đá 11 người 2 tỷ đồng)	UBND HHN	2022-2023	11066/QĐ-UBND ngày 03/9/2021; 13174/QĐ-UBND ngày 25/11/2021 của UBND huyện	3.102	2.600	1.600	2.600			
	Tổ hợp thể thao xã Long Khánh A (DK NS tỉnh hỗ trợ 2,6 tỷ đồng, trong đó XM 02 sân bóng chuyền 0,6 tỷ đồng và NC sân bóng đá 11 người 2 tỷ đồng)	UBND HHN	2022-2023	11175/QĐ-UBND ngày 17/9/2021; 13176/QĐ-UBND ngày 25/11/2021 của UBND huyện	2.645	2.600	1.600	1.920			
b	+ TP. Hồng Ngự	TPHN	2022		3.546	2.400	2.400	2.400			
	Tổ hợp thể thao xã Tân Hội (DK. NS tỉnh hỗ trợ 2,4 tỷ đồng, trong đó vốn Tỉnh hỗ trợ XM 02 sân bóng chuyền 0,6 tỷ đồng; xây mới 02 sân bi sắt 0,3 tỷ đồng và NC sân bóng đá 7 người 1,5 tỷ đồng)	UBND TPHN	2020-2022	1086/QĐ-UBND ngày 11/6/2021; 2744/QĐ-UBND ngày 20/12/2021 của UBND huyện	3.546	2.400	2.400	2.400			
c	+ H. Tam Nông		2022-2024		27.931	7.800	5.800	3.200			

STT	Nội dung	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư năm 2022 theo Nghị quyết	Điều chỉnh Kế hoạch vốn đầu tư năm 2022			Ghi chú
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư			Tổng số	Trong đó:		
					Tổng số	Trong đó: vốn ngân sách Tỉnh			Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ đọng XDCB	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	Tổ hợp thể thao xã Phú Thọ (DK NS tỉnh hỗ trợ 2,6 tỷ đồng, trong đó XM 02 sân bóng chuyền 0,6 tỷ đồng và NC sân bóng đá 11 người 2 tỷ đồng)	UBND HTN	2021-2022	1839/QĐ-UBND-HC ngày 18/12/2020; 2377/QĐ-UBND-HC ngày 14/12/2021 (điều chỉnh CTĐT); 2414/QĐ-UBND-HC ngày 22/12/2020 (QĐĐT) của UBND huyện	3.409	2.600	1.600	1.600			
	Tổ hợp thể thao xã Phú Đức (DK NS tỉnh hỗ trợ 2,6 tỷ đồng, trong đó XM 02 sân bóng chuyền 0,6 tỷ đồng và NC sân bóng đá 11 người 2 tỷ đồng)	UBND HTN	2021-2023	1765/QĐ-UBND-HC ngày 18/12/2020; 2391/QĐ-UBND-HC ngày 17/12/2021 (điều chỉnh CTĐT); 2413/QĐ-UBND-HC ngày 22/12/2021 (QĐĐT) của UBND huyện	2.970	2.600	1.600	1.600			
	Tổ hợp thể thao xã An Long (DK NS tỉnh hỗ trợ 2,6 tỷ đồng, trong đó XM 02 sân bóng chuyền 0,6 tỷ đồng và NC sân bóng đá 11 người 2 tỷ đồng)	UBND HTN	2021-2023	1764/QĐ-UBND-HC ngày 18/12/2020; 2413/QĐ-UBND-HC ngày 22/12/2021 (QĐĐT) của UBND huyện	21.552	2.600	2.600				

STT	Nội dung	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư năm 2022 theo Nghị quyết	Điều chỉnh Kế hoạch vốn đầu tư năm 2022			Ghi chú
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư			Tổng số	Trong đó:		
					Tổng số	Trong đó: vốn ngân sách Tỉnh			Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ đọng XDCB	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
d	+ H. Thanh Bình		2022-2024		14.012	12.491	8.000	4.572			
	Tổ hợp thể thao xã Tân Long (DK NS tỉnh hỗ trợ 2,6 tỷ đồng, trong đó XM 02 sân bóng chuyên 0,6 tỷ đồng và NC sân bóng đá 11 người 2 tỷ đồng)	UBND HTB	2021-2022	266/QĐ-UBND.HC ngày 06/7/2021; 567/QĐ-UBND.HC ngày 25/11/2021 (QĐĐT điều chỉnh) của UBND huyện	2.591	2.591	1.600	2.372			
	Tổ hợp thể thao xã Bình Tấn (DK NS tỉnh hỗ trợ 2,6 tỷ đồng, trong đó XM 02 sân bóng chuyên 0,6 tỷ đồng và NC sân bóng đá 11 người 2 tỷ đồng)	UBND HTB	2021-2022	162/QĐ-UBND-HC ngày 17/5/2021; 569/QĐ-UBND-HC ngày 25/11/2021 của UBND huyện	2.506	2.500	1.600	200			
	Tổ hợp thể thao xã Tân Quới (DK NS tỉnh hỗ trợ 2,6 tỷ đồng, trong đó XM 02 sân bóng chuyên 0,6 tỷ đồng và NC sân bóng đá 11 người 2 tỷ đồng)	UBND HTB	2021-2022	568/QĐ-UBND-HC ngày 25/11/2021 của UBND huyện	2.247	2.200	1.600	1.600			
	Tổ hợp thể thao xã Tân Phú (DK NS tỉnh hỗ trợ 2,6 tỷ đồng, trong đó XM 02 sân bóng chuyên 0,6 tỷ đồng và NC sân bóng đá 11 người 2 tỷ đồng)	UBND HTB	2021-2023	Số 26/QĐ-UBND.HC ngày 27/01/2022 của UBND huyện	3.507	2.600	1.600	200			

STT	Nội dung	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư năm 2022 theo Nghị quyết	Điều chỉnh Kế hoạch vốn đầu tư năm 2022			Ghi chú
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư			Tổng số	Trong đó:		
					Tổng số	Trong đó: vốn ngân sách Tỉnh			Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ đọng XDCB	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	Tổ hợp thể thao xã Tân Mỹ (DK NS tỉnh hỗ trợ 2,6 tỷ đồng, trong đó XM 02 sân bóng chuyền 0,6 tỷ đồng và NC sân bóng đá 11 người 2 tỷ đồng)	UBND HTB	2021-2023	Số 27/QĐ-UBND.HC ngày 27/01/2022 của UBND huyện	3.161	2.600	1.600	200			
e	+ H. Tháp Mười		2022-2023		5.572	2.600	2.600	2.600			
	Tổ hợp thể thao xã Đốc Bình Kiều (DK NS tỉnh hỗ trợ 2,6 tỷ đồng, trong đó XM 02 sân bóng chuyền 0,6 tỷ đồng và NC sân bóng đá 11 người 2 tỷ đồng)	UBND HTM	2022	10552/QĐ-UBND ngày 12/11/2021 của UBND huyện	5.572	2.600	2.600	2.600			
f	+ TP. Cao Lãnh		2022		13.090	2.600	2.600	2.600			
	Tổ hợp thể thao xã Tân Thuận Tây (DK NS tỉnh hỗ trợ 2,6 tỷ đồng, trong đó XM 02 sân bóng chuyền 0,6 tỷ đồng và NC sân bóng đá 11 người 2 tỷ đồng)	UBND TPCL	2022-2023	2343/QĐ-UBND ngày 16/11/2021 của UBND Thành phố	13.090	2.600	2.600	2.600			
g	+ H. Lai Vung		2022		13.816	5.000	3.200	2.400			

STT	Nội dung	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư năm 2022 theo Nghị quyết	Điều chỉnh Kế hoạch vốn đầu tư năm 2022			Ghi chú
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư			Tổng số	Trong đó:		
					Tổng số	Trong đó: vốn ngân sách Tỉnh			Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ đọng XDCB	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	Tổ hợp thể thao xã Tân Thành (DK NS tỉnh hỗ trợ 2,6 tỷ đồng, trong đó XM 02 sân bóng chuyền 0,6 tỷ đồng và NC sân bóng đá 11 người 2 tỷ đồng)	UBND H. L Vung	2021-2023	338/QĐ-UBND-XDCB ngày 03/11/2021 của UBND huyện	2.443	2.400	1.600	800			
	Tổ hợp thể thao xã Phong Hòa (DK NS tỉnh hỗ trợ 2,6 tỷ đồng, trong đó XM 02 sân bóng chuyền 0,6 tỷ đồng và NC sân bóng đá 11 người 2 tỷ đồng)	UBND H. L Vung	2021-2024	Số 40/QĐ-UBND-XDCB ngày 24/01/2022 của UBND huyện	11.373	2.600	1.600	1.600			
<i>h</i>	<i>+ H. Lấp Vò</i>				<i>9.266</i>	<i>7.300</i>	<i>5.300</i>	<i>7.300</i>			
	Tổ hợp thể thao xã Long Hưng B (DK. NS tỉnh hỗ trợ 2,1 tỷ đồng, trong đó: NC sân bóng đá 7 người khoảng 1,5 tỷ đồng, XM 02 sân bóng chuyền 0,6 tỷ đồng)	UBND H. L Vò	2021-2022	Số 172/QĐ-UBND-HC ngày 25/01/2022 của UBND huyện	2.965	2.100	2.100	2.100			

STT	Nội dung	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư năm 2022 theo Nghị quyết	Điều chỉnh Kế hoạch vốn đầu tư năm 2022			Ghi chú
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư			Tổng số	Trong đó:		
					Tổng số	Trong đó: vốn ngân sách Tỉnh			Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ đọng XDCB	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	Tổ hợp thể thao xã Bình Thạnh Trung (DK NS tỉnh hỗ trợ 2,6 tỷ đồng, trong đó XM 02 sân bóng chuyền 0,6 tỷ đồng và NC sân bóng đá 11 người 2 tỷ đồng)	UBND H. L Vò	2021-2022	Số 174/QĐ-UBND-HC ngày 25/01/2022 của UBND huyện	2.788	2.600	1.600	2.600			
	Tổ hợp thể thao xã Hội An Đông (DK NS tỉnh hỗ trợ 2,6 tỷ đồng, trong đó XM 02 sân bóng chuyền 0,6 tỷ đồng và NC sân bóng đá 11 người 2 tỷ đồng)	UBND H. L Vò	2021-2023	Số 173/QĐ-UBND-HC ngày 25/01/2022 của UBND huyện	3.513	2.600	1.600	2.600			
<i>i</i>	<i>+ H. Châu Thành</i>				<i>3.696</i>	<i>2.600</i>	<i>1.600</i>	<i>2.600</i>			
	Tổ hợp thể thao xã An Phú Thuận	UBND HCT	2021-2022	455/QĐ-UBND ngày 08/6/2021; 1797/QĐ-UBND ngày 03/12/2021 của UBND huyện	3.696	2.600	1.600	2.600			
VIII	Môi trường				795.896	195.896	15.000				
(1)	Các dự án dự kiến khởi công mới năm 2022				795.896	195.896	15.000				
<i>a</i>	<i>Dự án nhóm B</i>				<i>795.896</i>	<i>195.896</i>	<i>15.000</i>				

STT	Nội dung	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư năm 2022 theo Nghị quyết	Điều chỉnh Kế hoạch vốn đầu tư năm 2022			Ghi chú
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư			Tổng số	Trong đó:		
					Tổng số	Trong đó: vốn ngân sách Tỉnh			Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ đọng XDCB	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
1	1 - Nâng cấp tuyến đê bao, kè chống sạt lở, xây dựng hệ thống cống dọc sông Tiên, Thành phố Cao Lãnh (giai đoạn 2)	Ban QLDA ĐXDCT NN&PTNT	2022-2025	942/QĐ-UBND-HC ngày 14/7/2021 của UBND Tỉnh (CTĐT)	795.896	195.896	15.000				
IX	Các dự án khác đang đẩy nhanh tiến độ thực hiện				147.141	132.320		15.850			
IX.1	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp				26.260	23.150		9.150			
1	Chương trình Đảm bảo cơ sở vật chất cho chương trình giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông giai đoạn 2021-2025				5.043	4.950		950			
	Trong đó:										
1.1	Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2022				5.043	4.950		950			
a	Dự án nhóm C				5.043	4.950		950			
(1)	- Trường TH An Bình B. (Điểm phụ Ba Ánh)	UBND TPHN	2020-2022	469/QĐ-UBND 17/12/2020 và 118/QĐ-UBND ngày 26/01/202 của UBND thành phố	5.043	4.950		950			
2	Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2022				21.217	18.200		8.200			

STT	Nội dung	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư năm 2022 theo Nghị quyết	Điều chỉnh Kế hoạch vốn đầu tư năm 2022			Ghi chú
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư			Tổng số	Trong đó:		
					Tổng số	Trong đó: vốn ngân sách Tỉnh			Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ đọng XDCB	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
a	Dự án nhóm C				21.217	18.200		8.200			
2.1	- Hỗ trợ thành phố Hồng Ngự thuộc Chương trình kiên cố hóa trường, lớp học tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2016-2020				21.217	18.200		8.200			
(1)	Trường TH Bình Thạnh	UBND TPHN	2019-2022	Số 226/QĐ-UBND ngày 21/8/2017 và QĐ số 1284/QĐ-UBND ngày 05/7/2021 của UBND thành phố	21.217	18.200		8.200			
IX.2	Giao thông				120.881	109.170		6.700			
1	Dự án khởi công mới năm 2022				120.881	109.170		6.700			
a	dự án nhóm C				120.881	109.170		6.700			
(1)	- Nâng cấp tải trọng cầu Tràm Chim trên đường ĐT.843, huyện Tam Nông	Ban QLDA ĐXDCT Giao thông	2021-2022	251/QĐ-UBND-HC ngày 21/3/2022	5.170	5.170		4.000			
(2)	Xây dựng cầu Phú Hiệp và Cà Dâm, huyện Tam Nông	Ban QLDA ĐTXDCT Giao thông	2021-2023	Số 658/QĐ-UBND-HC ngày 22/06/2022 của UBND Tỉnh	115.711	104.000		2.700			

STT	Nội dung	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư năm 2022 theo Nghị quyết	Điều chỉnh Kế hoạch vốn đầu tư năm 2022			Ghi chú
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư			Tổng số	Trong đó:		
					Tổng số	Trong đó: vốn ngân sách Tỉnh			Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ đọng XDCB	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12

Ghi chú:

(*) Giao UBND Tỉnh phân khai chi tiết.

Phụ lục 3

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) NĂM 2022*(Kèm theo Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 14/11/2022 của HĐND tỉnh Đồng Tháp)*

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nội dung	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư năm 2022 theo Nghị quyết	Điều chỉnh Kế hoạch vốn đầu tư năm 2022			Ghi chú
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT			Tổng số	Trong đó:		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW			Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ đọng XDCB	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	13
	TỔNG SỐ				5.558.591	3.439.762	630.000	630.000			
	Thực hiện dự án				5.558.591	3.439.762	630.000	630.000			
I	Quốc phòng				84.995	76.000	10.000	10.000			
(1)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022				84.995	76.000	10.000	10.000			
a	Dự án nhóm B				84.995	76.000	10.000	10.000			
1	- Kè chống sạt lở và trồng cây bảo vệ đường tuần tra biên giới (giai đoạn 2)	Ban QLDA ĐTXD CT NN&PTNT Tỉnh	2021-2024	1489/QĐ-UBND-HC ngày 29/9/2021 của UBND Tỉnh	84.995	76.000	10.000	10.000			
II	Các hoạt động kinh tế				5.473.596	3.363.762	620.000	620.000			
II.1	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản				1.501.550	819.562	172.000	172.000	-	-	
(1)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2022				678.248	169.562	102.000	102.000			
a	Dự án nhóm B				678.248	169.562	102.000	102.000			

TT	Nội dung	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư năm 2022 theo Nghị quyết	Điều chỉnh Kế hoạch vốn đầu tư năm 2022			Ghi chú
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Tổng số	Trong đó:		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW			Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ đọng XDCB	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	13
1	- Dự án phát triển cơ sở hạ tầng tỉnh Đồng Tháp □	UBND HTB	2018-2022	149/QĐ-TTg ngày 28/01/2015; 34/QĐ-TTg ngày 10/01/2018 của Thủ tướng Chính phủ; 1139/QĐ-UBND ngày 04/10/2019 của UBND tỉnh	678.248	169.562	102.000	102.000			
(2)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022				300.000	250.000	50.000	30.000			
a	Dự án nhóm B				300.000	250.000	50.000	30.000			
1	Phòng chống sạt lở bờ sông để bảo vệ dân cư tại các khu vực xung yếu trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp (khu vực xã Long Thuận và Phú Thuận A, huyện Hồng Ngự)	Ban QLDA ĐXDCT Nông nghiệp & PTNT	2020-2023	1833/QĐ-UBND-HC ngày 01/12/2020; 1191/QĐ-UBND-HC ngày 18/08/2021 của UBND Tỉnh	300.000	250.000	50.000	30.000			
(3)	Các dự án khởi công mới năm 2022				523.302	400.000	20.000	40.000	-	-	
a	Dự án nhóm B				523.302	400.000	20.000	40.000	-	-	

TT	Nội dung	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư năm 2022 theo Nghị quyết	Điều chỉnh Kế hoạch vốn đầu tư năm 2022			Ghi chú
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Tổng số	Trong đó:		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW			Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ đọng XDCB	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	13
1	Kè Hồ Cự, xã Hòa An, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp (nối dài về phía hạ lưu)	Ban QLDA ĐTXD CT NN&PTNT	2021-2024	97/QĐ-UBND.HC ngày 26/01/2022 Tỉnh	287.404	250.000		40.000			
1	Bố trí dân cư tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2021-2025	Sở XD	2022-2025	948/QĐ-UBND-HC ngày 14/7/2021 của UBND Tỉnh; 1030/QĐ-UBND-HC ngày 28/7/2021 của UBND Tỉnh (QĐ CTĐT)	235.898	150.000	20.000				
II.2	Giao thông				3.916.512	2.494.200	433.000	426.000			
(1)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022				3.409.654	2.050.000	250.000	296.000			
a	Dự án nhóm A				2.179.789	1.200.000	150.000	150.000			
1	- Xây dựng tuyến ĐT.857 (đoạn QL30-ĐT.845)	Sở GTVT	2021-2025	969/QĐ-UBND-HC ngày 19/07/2021; 1338/QĐ-UBND-HC ngày 07/09/2021 của UBND Tỉnh	2.179.789	1.200.000	150.000	150.000			
b	Dự án nhóm B				1.229.865	850.000	100.000	146.000			

TT	Nội dung	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư năm 2022 theo Nghị quyết	Điều chỉnh Kế hoạch vốn đầu tư năm 2022			Ghi chú
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Tổng số	Trong đó:		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW			Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ đọng XDCB	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	13
1	- Đường ĐT845 đoạn Trường Xuân - Tân Phước	Ban QLDA ĐTXDCT Giao thông	2021-2024	Số 647/QĐ-UBND-HC ngày 28/5/2021 của UBND Tỉnh	991.810	650.000	100.000	99.000			
2	- Nâng cấp mở rộng tuyến đường ĐT.842	Ban QLDA ĐTXDCT Giao thông	2021-2024	Số 645/QĐ-UBND-HC ngày 28/5/2021 của UBND Tỉnh; 1554/QĐ-UBND-HC ngày 14/10/2021 của UBND Tỉnh	238.055	200.000		47.000			
(2)	Các dự án khởi công mới năm 2022				506.859	444.200	183.000	130.000			
a	Dự án nhóm B				506.859	444.200	183.000	130.000			
1	- Nâng cấp mở rộng tuyến ĐT.855 đoạn TT Tràm Chim - Hòa Bình	Ban QLDA ĐTXDCT Giao thông	2021-2024	Số 218/QĐ-UBND-HC ngày 14/3/2022 của UBND Tỉnh	165.403	150.000	83.000	5.000			

TT	Nội dung	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư năm 2022 theo Nghị quyết	Điều chỉnh Kế hoạch vốn đầu tư năm 2022			Ghi chú
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Tổng số	Trong đó:		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NSTW				Thu hồi các khoản vốn ứng trước	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	13
2	- Nâng cấp hệ cầu trên đường ĐT.844 (đoạn Tràm Chim - Trường Xuân)	Ban QLDA ĐTXDCT Giao thông	2021-2024	Số 646/QĐ-UBND-HC ngày 28/5/2021; 948/QĐ-UBND-HC ngày 14/7/2021; 1896/QĐ-UBND.HC ngày 14/12/2021 của UBND Tỉnh	341.456	294.200	100.000	125.000			
II.3	Công nghệ thông tin				55.534	50.000	15.000	22.000			
(1)	Các dự án khởi công mới năm 2022				55.534	50.000	15.000	22.000			
a	Dự án nhóm B				55.534	50.000	15.000	22.000			
1	- Nâng cấp Hệ thống hạ tầng phục vụ Chính quyền số và an toàn thông tin mạng tỉnh Đồng Tháp	Sở TT&TT	2021-2024	1849/QĐ-UBND-HC ngày 06/12/2021 của UBND Tỉnh	55.534	50.000	15.000	22.000			

Phụ lục 4

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NGUYÊN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN NƯỚC NGOÀI) NĂM 2022

(Kèm theo Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 14/11/2022 của HĐND tỉnh Đồng Tháp)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư								Kế hoạch vốn đầu tư năm 2022			Điều chỉnh Kế hoạch vốn đầu tư năm 2022			Ghi chú		
				Số quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TMDT								Tổng số	Trong đó:		Tổng số		Trong đó:	
						Trong đó:				Tinh bằng nguyên tệ	Quy đổi ra tiền Việt				Đưa vào cân đối NSTW	Vay lại			Đưa vào cân đối NSTW	Vay lại
						Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)			Tổng số	Trong đó:								
						Tổng số	Trong đó: vốn NSTW	Đưa vào cân đối NSTW	Vay lại											
1	2	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18		
	<u>TỔNG SỐ</u>				<u>1.675.153</u>	<u>558.897</u>	<u>169.562</u>		<u>1.116.256</u>	<u>945.165</u>	<u>171.091</u>	<u>545.300</u>	<u>497.000</u>	<u>48.300</u>	<u>545.300</u>	<u>497.000</u>	<u>48.300</u>			
A	VỐN NƯỚC NGOÀI KHÔNG GIẢI NGÂN THEO CƠ CHẾ TÀI CHÍNH TRONG NƯỚC				1.675.153	558.897	169.562		1.116.256	945.165	171.091	545.300	497.000	48.300	545.300	497.000	48.300			
I	Môi trường				664.300	93.998			570.302	399.211	171.091	268.300	220.000	48.300	268.300	220.000	48.300			
1	Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2022				664.300	93.998			570.302	399.211	171.091	268.300	220.000	48.300	268.300	220.000	48.300			
a	Dự án nhóm B				664.300	93.998			570.302	399.211	171.091	268.300	220.000	48.300	268.300	220.000	48.300			
1	1 - Chống chịu khí hậu tổng hợp và sinh kế bền vững Đồng bằng sông Cửu Long (MD-ICRSL) - WB9 + Tiểu dự án Nâng cao khả năng thoát lũ và phát triển sinh kế bền vững thích ứng với khí hậu cho vùng Đồng Tháp Mười - các huyện phía Bắc tỉnh Đồng Tháp	Sở NN&PTNT	2016-2022	1693/QĐ-BNN-HTQT ngày 09/5/2016 của Bộ NN&PTNT; 1251/QĐ-UBND ngày 15/10/2018 của UBND Tỉnh	664.300	93.998		25 triệu USD	570.302	399.211	171.091	268.300	220.000	48.300	268.300	220.000	48.300			
II	Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản				1.010.853	464.899	169.562		545.954	545.954		277.000	277.000	-	277.000	277.000	-			
1	Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2022				1.010.853	464.899	169.562		545.954	545.954		277.000	277.000	-	277.000	277.000	-			
a	Dự án nhóm B				1.010.853	464.899	169.562		545.954	545.954		277.000	277.000	-	277.000	277.000	-			
1	1 - Chuyển đổi nông nghiệp bền vững tại Việt Nam (dự án VnSAT) trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp	Sở NN&PTNT	2016-2022	1992/QĐ-BNN-HTQT ngày 29/5/2015, 2470/QĐ-BNN-HTQT ngày 30/6/2020, và 2988/QĐ-BNN-HTQT ngày 06/8/2020 của Bộ NN&PTNT	332.605	125.775		9,62 triệu USD	206.830	206.830		92.000	92.000		92.000	92.000				

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư								Kế hoạch vốn đầu tư năm 2022			Điều chỉnh Kế hoạch vốn đầu tư năm 2022			Ghi chú
				Số quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TMDT						Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		
						Trong đó:							Đưa vào cân đối NSTW	Vay lại		Đưa vào cân đối NSTW	Vay lại	
						Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)										
						Tổng số	Trong đó: vốn NSTW	Tính bằng nguyên tệ	Quy đổi ra tiền Việt									
									Tổng số	Trong đó:								
	Đưa vào cân đối NSTW	Vay lại																
1	2	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
2	- Dự án phát triển cơ sở hạ tầng tỉnh Đồng Tháp	UBND HTB	2018-2023	149/QĐ-TTg ngày 28/01/2015; 34/QĐ-TTg ngày 10/01/2018 của Thủ tướng Chính phủ; 846/QĐ-UBND.HC ngày 21/7/2016; 975/QĐ-UBND ngày 23/8/2017; 1139/QĐ-UBND ngày 04/10/2019 của UBND tỉnh	678.248	339.124	169.562	14,9 triệu USD	339.124	339.124		185.000	185.000		185.000	185.000		

Phụ lục 5

**ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2022
TỪ NGUỒN VỐN SỐ DƯ DỰ TOÁN NĂM 2020**

(Kèm theo Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 14/11/2022 của HĐND tỉnh Đồng Tháp)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung	Chủ đầu tư	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định đầu tư dự án			Kế hoạch đầu tư công năm 2022			Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công năm 2022			Ghi chú
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		
					Tổng số	Trong đó: NS Tỉnh		Thu hồi vốn đã ứng trước	Trả nợ đọng XDCB		Thu hồi vốn đã ứng trước	Trả nợ đọng XDCB	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	TỔNG SỐ				224.124	193.500	70.000		3.000	70.000		3.000	
I	Lĩnh vực xã hội				9.959	8.000	8.000			8.000			
<i>I.1</i>	<i>Dự án nhóm C</i>				<i>9.959</i>	<i>8.000</i>	<i>8.000</i>			<i>8.000</i>			
<i>a</i>	<i>Dự án khởi công mới</i>				<i>9.959</i>	<i>8.000</i>	<i>8.000</i>			<i>8.000</i>			
1	Nghĩa trang liệt sĩ xã Phong Hòa (NS tỉnh hỗ trợ mục tiêu)	UBND huyện Lai Vung	2021-2023	296/QĐ-UBND-XDCB ngày 13/10/2021 của UBND huyện	6.368	5.000	5.000			5.000			
2	Nâng cấp nghĩa trang liệt sĩ 02 xã: Long Hưng A, Mỹ An Hưng B (NS tỉnh hỗ trợ mục tiêu)	UBND huyện Lấp Vò	2021-2022	178/QĐ-UBND-HC ngày 25/01/2022 của UBND huyện	3.591	3.000	3.000			3.000			
II	Lĩnh vực công trình công cộng tại đô thị				49.059	48.000	48.000			38.900			
<i>II.1</i>	<i>Dự án nhóm C</i>				<i>49.059</i>	<i>48.000</i>	<i>48.000</i>			<i>38.900</i>			
<i>a</i>	<i>Dự án khởi công mới</i>				<i>49.059</i>	<i>48.000</i>	<i>48.000</i>			<i>38.900</i>			
1	Đường Ngô Quyền (đoạn từ Trần Phú đến mương tiêu đề bao phía Nam) (NS tỉnh hỗ trợ mục tiêu)	UBND huyện Tân Hồng	2021-2022	53/QĐ-UBND.ĐTXD ngày 10/3/2021 của UBND huyện	5.752	5.600	5.600			2.800			
2	Đường Phan Bội Châu (đoạn từ đường 502 đến đề bao phía Nam) (NS tỉnh hỗ trợ mục tiêu)	UBND huyện Tân Hồng	2021-2023	83/QĐ-UBND.ĐTXD ngày 22/4/2021 của UBND huyện	5.838	5.700	5.700			3.500			
3	Đường Võ Thị Sáu (đoạn từ đường Nguyễn Văn Tiệp đến hàng rào Công an Huyện) (NS tỉnh hỗ trợ mục tiêu)	UBND huyện Tân Hồng	2021-2023	84/QĐ-UBND.ĐTXD ngày 22/4/2021 của UBND huyện	8.902	8.700	8.700			4.600			

STT	Nội dung	Chủ đầu tư	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định đầu tư dự án			Kế hoạch đầu tư công năm 2022			Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công năm 2022			Ghi chú
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		
					Tổng số	Trong đó: NS Tỉnh		Thu hồi vốn đã ứng trước	Trả nợ đọng XDCB		Thu hồi vốn đã ứng trước	Trả nợ đọng XDCB	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
4	Cải tạo và nâng cấp đường Nguyễn Văn Voi (NS tỉnh hỗ trợ mục tiêu)	UBND huyện Châu Thành	2021-2023	1997/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của UBND huyện	28.567	28.000	28.000			28.000			
III	Lĩnh vực du lịch				51.106	23.500	3.000		3.000	2.678		3.000	
I.1	Dự án nhóm B				51.106	23.500	3.000		3.000	2.678		3.000	
a	Dự án hoàn thành				51.106	23.500	3.000		3.000	2.678		3.000	
1	- Hạ tầng phát triển du lịch sinh thái bền vững Vườn quốc gia Tràm Chim, giai đoạn 2016-2020	VQG Tràm Chim	2016-2021	955/QĐ-UBND-HC ngày 16/07/2021 của UBND Tỉnh	51.106	23.500	3.000		3.000	2.678		3.000	
IV	Lĩnh vực giao thông				14.000	14.000	11.000			7.780			
	Dự án nhóm C				14.000	14.000	11.000			7.780			
a	Dự án khởi công mới				14.000	14.000	11.000			7.780			
(1)	- Tuyến đường D-01 nối từ cụm công nghiệp Quảng Khánh đến Quốc lộ 30 tuyến tránh thành phố Cao Lãnh	BQL Khu kinh tế Đồng Tháp và Trung tâm Phát triển quỹ đất	2022-2023	Số 404/QĐ-UBND.HC ngày 25/4/2022 của UBND Tỉnh	14.000	14.000	11.000			7.780			
	+ Tuyến đường D-01 nối từ cụm công nghiệp Quảng Khánh đến Quốc lộ 30 tuyến tránh thành phố Cao Lãnh (phần xây lắp)	BQL Khu kinh tế Đồng Tháp					4.120			1.830			
	+ Tuyến đường D-01 nối từ cụm công nghiệp Quảng Khánh đến Quốc lộ 30 tuyến tránh thành phố Cao Lãnh (phần đền bù)	Trung tâm Phát triển quỹ đất					6.880			5.950			
V	Các dự án bổ sung				100.000	100.000				12.642			
V.1	Thanh toán chi phí tất toán công trình hoàn thành				100.000	100.000				12.642			(*)

Ghi chú:

(*) Giao UBND Tỉnh phân khai chi tiết

Phụ lục 6

**ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2022 TỪ NGUỒN VỐN
TĂNG THU XỔ SỔ KIẾN THIẾT NĂM 2020**

(Kèm theo Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 14/11/2022 của HĐND tỉnh Đồng Tháp)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung	Chủ đầu tư	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định đầu tư dự án			Kế hoạch đầu tư công năm 2022			Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công năm 2022			Ghi chú
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		
					Tổng số	Trong đó: NS Tỉnh		Thu hồi vốn đã ứng trước	Trả nợ đọng XDCB		Thu hồi vốn đã ứng trước	Trả nợ đọng XDCB	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	15
	TỔNG SỐ				10.117.588	4.187.539	480.565	8.493	7.200	480.565	61.137	7.200	
I	Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản				167.257	67.257	7.200		7.200	7.200		7.200	
1	Dự án hoàn thành đưa vào sử dụng ngày 31/12/2021				167.257	67.257	7.200		7.200	7.200		7.200	
a	Dự án nhóm B				167.257	67.257	7.200		7.200	7.200		7.200	
(1)	- Phòng chống sạt lở bờ sông để bảo vệ dân cư tại các khu vực xung yếu trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp	Ban QLDA ĐTXD CT NN&PTNT Tỉnh	2017-2021	1900/QĐ-UBND.HC ngày 14/12/2021 của UBND Tỉnh	167.257	67.257	7.200		7.200	7.200		7.200	
II	Bảo vệ môi trường				391.110	177.017	12.000	8.493		12.000	8.493		
1	Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2022				391.110	177.017	12.000	8.493		12.000	8.493		
a	Dự án nhóm B				391.110	177.017	12.000	8.493		12.000	8.493		
(1)	- Nâng cấp tuyến đê bao, kè chống sạt lở, xây dựng hệ thống cống dọc sông Tiền, TPCL (GĐ1)	Ban QLDA ĐTXD CT NN&PTNT Tỉnh	2018-2022	1744/QĐ-UBND.HC ngày 17/11/2021; 2006/QĐ-UBND-HC ngày 31/12/2021 của UBND Tỉnh	391.110	177.017	12.000	8.493		12.000	8.493		
	+ Nâng cấp tuyến đê bao, kè chống sạt lở, xây dựng hệ thống cống dọc sông Tiền, TPCL (GĐ1) (phần đền bù, giải phóng mặt bằng)	Trung tâm Phát triển Quỹ đất - Sở TN&MT			174.000	174.000	12.000	8.493		12.000	8.493		
III	Lĩnh vực giáo dục và Đào tạo				3.766.501	2.361.662	146.365			59.165			

STT	Nội dung	Chủ đầu tư	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định đầu tư dự án			Kế hoạch đầu tư công năm 2022			Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công năm 2022			Ghi chú
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		
					Tổng số	Trong đó: NS Tỉnh		Thu hồi vốn đã ứng trước	Trả nợ đọng XDCB		Thu hồi vốn đã ứng trước	Trả nợ đọng XDCB	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	15
1	Chương trình Đảm bảo cơ sở vật chất cho chương trình giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông giai đoạn 2021-2025		2021-2025	385/NQ-HĐND ngày 08/12/2020 của HĐND Tỉnh	3.618.000	2.217.365	36.365			36.365			
	Trong đó:												
1.1	Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2022				181.864	181.822	26.000			26.000			
a	Dự án nhóm C				181.864	181.822	26.000			26.000			
	* Hỗ trợ thành phố Cao Lãnh				79.059	79.017	13.000			13.000			
(1)	- Trường TH Nguyễn Trung Trực (giai đoạn 2)	UBND thành phố Cao Lãnh	2021-2022	2122/QĐ-UBND ngày 22/12/2020 của UBND thành phố	14.042	14.000	1.000			1.500			
(2)	- Trường MN Mỹ Phú 2	UBND thành phố Cao Lãnh	2021-2022	2127/QĐ-UBND ngày 23/12/2020 của UBND thành phố	14.269	14.269	1.000			1.500			
(3)	- Trường TH Phan Đăng Lưu (giai đoạn 2)	UBND thành phố Cao Lãnh	2021-2022	2125/QĐ-UBND ngày 23/12/2020 của UBND thành phố	30.990	30.990	8.000			5.000			
(4)	- Trường TH Bùi Thị Xuân (giai đoạn 2)	UBND thành phố Cao Lãnh	2021-2022	2126/QĐ-UBND ngày 23/12/2020 của UBND thành phố	19.758	19.758	3.000			5.000			
	* Hỗ trợ huyện Tân Hồng				102.805	102.805	13.000			13.000			
(1)	- Trường THCS Nguyễn Quang Diêu	UBND huyện Tân Hồng	2021-2022	272/QĐ-UBND.ĐTXD ngày 19/12/2020 của UBND huyện	37.179	37.179	3.000			3.000			

STT	Nội dung	Chủ đầu tư	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định đầu tư dự án			Kế hoạch đầu tư công năm 2022			Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công năm 2022			Ghi chú
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		
					Tổng số	Trong đó: NS Tỉnh		Thu hồi vốn đã ứng trước	Trả nợ đọng XDCB		Thu hồi vốn đã ứng trước	Trả nợ đọng XDCB	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	15
(2)	- Trường TH Tân Thành B2	UBND huyện Tân Hồng	2021-2022	319/QĐ-UBND.ĐTXD ngày 28/12/2020 của UBND huyện	29.680	29.680	3.000			3.000			
(3)	- Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi	UBND huyện Tân Hồng	2021-2022	320/QĐ-UBND.ĐTXD ngày 28/12/2020 của UBND huyện	35.946	35.946	7.000			7.000			
1.2	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022				50.957	50.000	6.765			6.765			
a	Dự án nhóm C				50.957	50.000	6.765			6.765			
	* Hỗ trợ huyện Tháp Mười				50.957	50.000	6.765			6.765			
(1)	- Trường Tiểu học Phú Điền 1	UBND huyện Tháp Mười	2021-2023	5349/QĐ-UBND ngày 21/12/2020 của UBND huyện	29.388	29.000	4.000			4.000			
(2)	- Trường TH - THCS Thanh Mỹ (phần TH)	UBND huyện Tháp Mười	2021-2023	5348/QĐ-UBND ngày 21/12/2020 của UBND huyện	21.569	21.000	2.765			2.765			
1.3	Dự án khởi công mới				21.540	20.674	3.600			3.600			
a	Dự án nhóm C				21.540	20.674	3.600			3.600			
	* Hỗ trợ huyện Tháp Mười				21.540	20.674	3.600			3.600			
(1)	- Trường THCS Tân Kiều	UBND huyện Tháp Mười	2021-2023	6343/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND huyện	21.540	20.674	3.600			3.600			
2	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022				41504	37300	4000			4000			
a	Dự án nhóm C				41504	37300	4000			4000			
(1)	- Dự án Mua sắm thiết bị bàn ghế học sinh phổ thông	Sở GDĐT	2021-2023	1954/QĐ-UBND.HC ngày 25/12/2020 của UBND Tỉnh	41.504	37.300	4.000			4.000			
3	Các dự án khởi công mới năm 2022				106.997	106.997	106.000			18.800			

STT	Nội dung	Chủ đầu tư	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định đầu tư dự án			Kế hoạch đầu tư công năm 2022			Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công năm 2022			Ghi chú
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		
					Tổng số	Trong đó: NS Tỉnh		Thu hồi vốn đã ứng trước	Trả nợ đọng XDCB		Thu hồi vốn đã ứng trước	Trả nợ đọng XDCB	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	15
a	Dự án nhóm C				106.997	106.997	106.000			18.800			
(1)	Dự án Mua sắm thiết bị dạy học tối thiểu lớp 1	Sở GD&ĐT	2021-2022	Số 608/QĐ-UBND.HC, ngày 13/6/2022 của UBND Tỉnh	31.203	31.203	31.000			5.500			
(2)	Dự án Mua sắm thiết bị dạy học tối thiểu lớp 2	Sở GD&ĐT	2021-2022	Số 609/QĐ-UBND.HC, ngày 13/6/2022 của UBND Tỉnh	36.934	36.934	36.500			6.500			
(3)	Dự án Mua sắm thiết bị dạy học tối thiểu lớp 6	Sở GD&ĐT	2021-2022	Số 610/QĐ-UBND.HC, ngày 13/6/2022 của UBND Tỉnh	38.860	38.860	38.500			6.800			
IV	Giao thông				350.842	229.000	135.000			87.550			
1	Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2022				203.274	134.000	40.000			22.550			
a	Dự án nhóm C				203.274	134.000	40.000			22.550			
(1)	Đường kết nối ĐT853 – ĐT908 (NS tính hỗ trợ mục tiêu)	UBND huyện Châu Thành	2019-2022	1907/QĐ-UBND ngày 28/10/2019; 1440/QĐ-UBND ngày 12/10/2021 của UBND huyện	58.421	33.100	5.100			8.900			
(2)	Đường Tân Phú (NS tính hỗ trợ mục tiêu)	UBND huyện Châu Thành	2020-2022	667/QĐ-UBND ngày 06/8/2020 của UBND huyện	38.209	30.000	5.000			1.550			
(3)	Đường An Khánh - An Phú Thuận (NS tính hỗ trợ mục tiêu)	UBND huyện Châu Thành	2020-2022	668/QĐ-UBND ngày 06/8/2020 của UBND huyện	34.728	27.600	7.600			6.910			
(4)	Nâng cấp đường Huyện đoạn từ Cái Tàu Hạ đến Xẻo Mát (NS tính hỗ trợ mục tiêu)	UBND huyện Châu Thành	2021-2022	1224/QĐ- UBND ngày 21/12/2020 của UBND huyện	71.916	43.300	22.300			5.190			
2	Dự án khởi công mới năm 2022				147.568	95.000	95.000			65.000			
a	Dự án nhóm C				147.568	95.000	95.000			65.000			

STT	Nội dung	Chủ đầu tư	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định đầu tư dự án			Kế hoạch đầu tư công năm 2022			Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công năm 2022			Ghi chú
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		
					Tổng số	Trong đó: NS Tỉnh		Thu hồi vốn đã ứng trước	Trả nợ đọng XDCB		Thu hồi vốn đã ứng trước	Trả nợ đọng XDCB	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	15
(1)	Đường cấp rạch Cà Ngổ (bên phải) đến Rạch Chùa (NS tỉnh hỗ trợ mục tiêu)	UBND huyện Châu Thành	2021-2023	497/QĐ-UBND ngày 16/6/2021 của UBND huyện	9.575	5.000	5.000			8.000			
(2)	Kè chống sạt lở tuyến đường Cái Mít (đoạn chân cầu Hòa Định) (NS tỉnh hỗ trợ mục tiêu)	UBND huyện Lai Vung	2021-2023	366/QĐ-UBND-XDCB ngày 05/11/2021 của UBND huyện	9.611	8.000	8.000			8.000			
(3)	Đường Huyện lộ số 3 (NS tỉnh hỗ trợ mục tiêu)	UBND huyện Lai Vung	2021-2023	365/QĐ-UBND-XDCB ngày 05/11/2021 của UBND huyện	68.797	37.000	37.000			19.000			
(4)	Đường ĐH.66 (từ cầu Đình Định Yên đến giao QL.80, xã Vĩnh Thạnh) (NS tỉnh hỗ trợ mục tiêu)	UBND huyện Lấp Vò	2022-2023	177/QĐ-UBND-HC ngày 25/01/2022 của UBND huyện	59.585	45.000	45.000			30.000			
V	Lĩnh vực Y tế				1.724.105	180.000	180.000			159.354			
1	Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2022				1.724.105	180.000	180.000			159.354			
a	Dự án nhóm A				1.724.105	180.000	180.000			159.354			
(1)	- Bệnh viện đa khoa Đồng Tháp	Sở Y tế	2017-2022	866/QĐ-UBND-HC ngày 31/7/2017, 827/QĐ-UBND ngày 13/8/2020, 333/QĐ-UBND-HC ngày 7/4/2022 của UBND Tỉnh	1.724.105	180.000	180.000			159.354			
VI	Các dự án Bổ sung				3.717.773	1.172.603				155.296	52.644		
VI.1	Giao thông				2.194.412	791.500				45.126	39.626		
1	Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2022				14.412	11.500				5.500			
a	Dự án nhóm C				14.412	11.500				5.500			

STT	Nội dung	Chủ đầu tư	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định đầu tư dự án			Kế hoạch đầu tư công năm 2022			Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công năm 2022			Ghi chú
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		
					Tổng số	Trong đó: NS Tỉnh		Thu hồi vốn đã ứng trước	Trả nợ đọng XDCB		Thu hồi vốn đã ứng trước	Trả nợ đọng XDCB	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	15
(1)	Đường Sông tiền (đoạn từ cầu Hội Xuân đến Vàm Hội Xuân, xã An Hiệp)	UBND huyện Châu Thành	2021-2022	1313/QĐ-UBND ngày 28/12/2020 của UBND Huyện	14.412	11.500				5.500			
1	Các dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2022				2.180.000	780.000				39.626	39.626		
a	Dự án nhóm A				2.180.000	780.000				39.626	39.626		
1	- Xây dựng tuyến ĐT.857 (đoạn QL30- ĐT.845)	Sở GTVT; TTPTQD-Sở TNMT	2021-2025	969/QĐ-UBND-HC ngày 19/07/2021; 1338/QĐ-UBND-HC ngày 07/09/2021 của UBND Tỉnh	2.180.000	780.000				39.626	39.626		
	+ Xây dựng tuyến ĐT.857 (đoạn QL30- ĐT.845) (phần xây lắp)	Sở Giao thông vận tải											
	+ Xây dựng tuyến ĐT.857 (đoạn QL30- ĐT.845) (phần đền bù, GPMB)	Trung tâm Phát triển quỹ đất - STN&MT								39.626	39.626		
VI.2	Nông nghiệp				1.523.361	381.103				110.170	13.018		
1	Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2022				1.523.361	381.103				110.170	13.018		
1.1	Dự án nhóm B				1.523.361	381.103				110.170	13.018		
(1)	- Chống chịu khí hậu tổng hợp và sinh kế bền vững Đồng bằng sông Cửu Long (MD-ICRSL) - WB9 + Tiểu dự án Nâng cao khả năng thoát lũ và phát triển sinh kế bền vững thích ứng với khí hậu cho vùng Đồng Tháp Mười - các huyện phía Bắc tỉnh Đồng Tháp	Sở NN&PTNT	2016-2022	1693/QĐ-BNN-HTQT ngày 09/5/2016 của Bộ NN&PTNT; 1251/QĐ-UBND ngày 15/10/2018 của UBND Tỉnh	664.300	147.000				18.656	13.018		

STT	Nội dung	Chủ đầu tư	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định đầu tư dự án			Kế hoạch đầu tư công năm 2022			Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công năm 2022			Ghi chú
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		
					Tổng số	Trong đó: NS Tỉnh		Thu hồi vốn đã ứng trước	Trả nợ đọng XDCB		Thu hồi vốn đã ứng trước	Trả nợ đọng XDCB	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	15
(2)	- Nâng cấp tuyến đê bao, kè chống sạt lở, xây dựng hệ thống công dọc sông Tiền, thành phố Cao Lãnh	Ban QLDA ĐTXD CT NN&PTNT	2018-2022	1328/QĐ-UBND.HC ngày 30/10/2018 của UBND Tỉnh	391.264	150.384				60.000			
(3)	- Bố trí ổn định dân cư Giồng Dúi - Thường Phước 1, huyện Hồng Ngự (dân di cư tự do từ Campuchia)	UBND HHN	2020-2022	768/QĐ-UBND-HC ngày 28/05/2020; 939/QĐ-UBND-HC ngày 14/07/2021 của UBND Tỉnh	68.719	13.719				10.000			
(4)	Xử lý cấp bách sạt lở sông Tiền khu vực xã Tân Mỹ, xã Mỹ An Hưng B, huyện Lấp Vò	Ban QLDA ĐTXD CT NN&PTNT	2022-2023	638/QĐ-UBND-HC ngày 20/6/2022 của UBND Tỉnh	399.078	70.000				21.514			

Phụ lục 7

**ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN THU CỔ PHẦN HÓA, THOÁI VỐN DOANH NGHIỆP
ĐỊA PHƯƠNG DO TỈNH QUẢN LÝ VÀ PHÂN BỐ NĂM 2022**

(Kèm theo Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 14/11/2022 của HĐND tỉnh Đồng Tháp)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung	Chủ đầu tư	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định đầu tư dự án			Kế hoạch đầu tư công năm 2022			Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công năm 2022			Ghi chú
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		
					Tổng số	Trong đó: NS Tỉnh		Thu hồi vốn đã ứng trước	Trả nợ đọng XDCB		Thu hồi vốn đã ứng trước	Trả nợ đọng XDCB	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	TỔNG SỐ				151.391	75.000	38.777			38.777			
A	Cụ thể chi tiết từng ngành, lĩnh vực												
I	Công trình công cộng tại các đô thị, hạ tầng kỹ thuật khu đô thị mới				94.765	25.000	25.000			25.000			
I.1	Dự án nhóm B				94.765	25.000	25.000			25.000			
1	Dự án khởi công mới				94.765	25.000	25.000			25.000			
1.1	Phát triển đô thị trên địa bàn tỉnh (hỗ trợ mục tiêu cho cấp huyện, thành phố)				94.765	25.000	25.000			25.000			
a	Hỗ trợ có mục tiêu cho thành phố Sa Đéc				94.765	25.000	25.000			25.000			
	Đầu tư dự án Xử lý sụt lún mặt đường Nguyễn Huệ (đoạn từ đường Nguyễn Du đến đường Hoàng Diệu) và kết hợp chỉnh trang đô thị	UBND thành phố Sa Đéc	2021-2023	QĐ 06/QĐ-UBND-XDCB ngày 14/01/2022 của thành phố Sa Đéc	94.765	25.000	25.000			25.000			
II	Giao thông				56.626	50.000	13.777	-	-	13.777	-	-	
II.1	Dự án nhóm C				56.626	50.000	13.777			13.777			
a	Hỗ trợ có mục tiêu cho huyện Hồng Ngự				56.626	50.000	13.777			13.777			
1	Dự án chuyển tiếp				56.626	50.000	13.777			13.777			
	Đầu tư xây dựng công trình ĐH. Phú Thuận A	UBND huyện Hồng Ngự	2021-2022	QĐ số 5982/QĐ-UBND ngày 29/12/2020 của UBND huyện Hồng Ngự - QĐ số 1050a/QĐ-UBND ngày 10/03/2022 của UBND huyện Hồng Ngự (điều chỉnh)	56.626	50.000	13.777			13.777			